



THỐNG KÊ TP CẦN THƠ

SỐ LIỆU

KINH TẾ - XÃ HỘI

THÀNH PHỐ CẦN THƠ

THÁNG BA VÀ QUÝ I

NĂM 2026



<https://thongkecantho.nso.gov.vn>

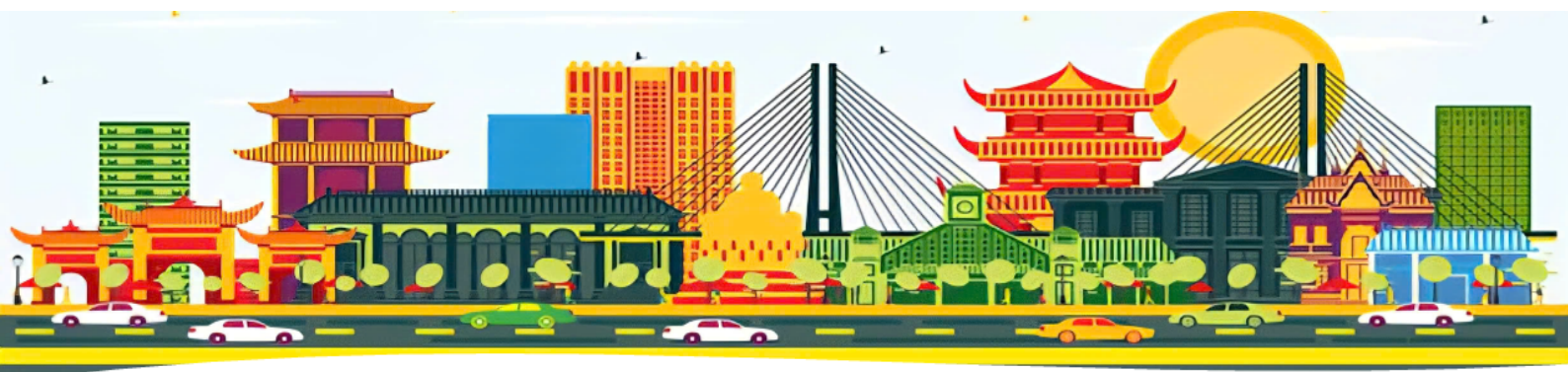
MỤC LỤC

❑	Những nét chính kinh tế - xã hội thành phố Cần Thơ.....	1
❑	Một số chỉ tiêu chủ yếu tháng Ba và Quý 1 năm 2026.....	14
❑	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP).....	15
❑	Nông nghiệp và thủy sản.....	17
❑	Công nghiệp.....	18
❑	Vốn đầu thực hiện trên địa bàn	22
❑	Giải ngân vốn đầu tư công.....	23
❑	Tình hình hoạt động doanh nghiệp.....	24
❑	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng.....	26
❑	Vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải.....	28
❑	Chỉ số giá tiêu dùng, giá vàng và Đô la Mỹ.....	30
❑	Thu, chi ngân sách nhà nước trên địa bàn.....	33
❑	Ngân hàng.....	35
❑	Xuất, nhập khẩu hàng hóa.....	36
❑	Tai nạn giao thông, phòng chống cháy nổ.....	37
❑	Tình hình dịch bệnh.....	38
❑	Dân số, lao động TP. Cần Thơ ước năm 2025.....	39
❑	Số liệu KT-XH 6 TP trực thuộc Trung ương.....	40



Trong quý I năm 2026, tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới còn nhiều biến động, áp lực từ giá năng lượng, xung đột địa chính trị và xu hướng thắt chặt chi tiêu tiếp tục ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong nước, các chính sách điều hành kinh tế vĩ mô được triển khai linh hoạt, góp phần ổn định thị trường và kiểm soát lạm phát. Trên địa bàn thành phố, các ngành, lĩnh vực đã chủ động thích ứng, từng bước phục hồi và duy trì đà tăng trưởng. Nhìn chung, kinh tế thành phố đạt được một số kết quả tích cực trên nhiều lĩnh vực, tạo nền tảng cho việc thực hiện các mục tiêu phát triển trong các quý tiếp theo.





Quý I năm 2026, tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) của thành phố ước tăng 7,02% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù chưa đạt kịch bản đề ra, song mức tăng này vẫn cho thấy xu hướng phục hồi tích cực trong bối cảnh còn nhiều khó khăn, thách thức. Thành phố xếp thứ 2 khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, sau An Giang (tăng 7,80%), tiếp tục duy trì vị thế tăng trưởng khá. Xét theo khu vực kinh tế, khu vực dịch vụ tiếp tục là động lực tăng trưởng chính với mức tăng 8,38%, đóng góp lớn nhất vào mức tăng chung. Khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 7,35%, phản ánh xu hướng phục hồi của hoạt động sản xuất và đầu tư. Trong khi đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản duy trì mức tăng ổn định 3,60%, tiếp tục giữ vai trò nền tảng của nền kinh tế.



Cơ cấu kinh tế quý I năm 2026 tiếp tục chuyển dịch theo hướng tích cực, trong đó khu vực dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn nhất (44,61%); khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 26,54%; khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 23,11%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,74%. Cơ cấu này cho thấy khu vực dịch vụ tiếp tục giữ vai trò chủ đạo, trong khi khu vực công nghiệp và xây dựng từng bước được củng cố, và khu vực nông nghiệp vẫn là nền tảng quan trọng, góp phần đảm bảo ổn định kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Sản xuất nông nghiệp trong quý I năm 2026 tuy giảm về diện tích nhưng vẫn đạt kết quả tích cực. Diện tích lúa đông xuân đạt 312.615 ha, giảm 4,53% so với cùng kỳ, song sản lượng vẫn đạt trên 2,26 triệu tấn, cho thấy hiệu quả sản xuất được cải thiện. Cơ cấu cây trồng tiếp tục chuyển dịch theo hướng nâng cao giá trị, với diện tích rau màu tăng 25,4% và cây ăn quả tăng 0,76%.

Chăn nuôi và thủy sản duy trì đà tăng trưởng, trong đó sản lượng thịt lợn tăng 7,03%, gia cầm tăng 17,28%; tổng sản lượng thủy sản đạt 126.034 tấn, tăng 7,88% so với cùng kỳ. Bên cạnh đó, việc đẩy mạnh ứng dụng khoa học kỹ thuật và tăng cường công tác phòng, chống dịch bệnh đã góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và ổn định sản xuất.

Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố vẫn duy trì đà phục hồi tích cực. Tháng 3/2026, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 28,52% so với tháng trước và tăng 10% so với cùng kỳ. Tính chung quý I/2026, IIP tăng 9,41%, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,95%, tiếp tục giữ vai trò động lực chính. Nhìn chung, sản xuất công nghiệp từng bước ổn định và có dấu hiệu khởi sắc rõ nét.



Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng quý I/2026 của thành phố Cần Thơ tiếp tục phục hồi tích cực. Tháng 3/2026 ước đạt 21,58 nghìn tỷ đồng, tăng 6,66% so với tháng trước và tăng 21,55% so với cùng kỳ; lũy kế quý I đạt 61,22 nghìn tỷ đồng, tăng 14,11%.

Trong đó, bán lẻ hàng hóa đạt 46,87 nghìn tỷ đồng, tăng 15,57%, với động lực từ nhóm lương thực, thực phẩm (tăng 26,46%) và vàng bạc, đá quý (tăng 47,78%). Dịch vụ lưu trú, ăn uống đạt 8,59 nghìn tỷ đồng, tăng 15,60%; du lịch lữ hành đạt 0,17 nghìn tỷ đồng, tăng 9,16%. Ngược lại, dịch vụ khác tăng thấp (5,59 nghìn tỷ đồng, tăng 1,52%), cho thấy thị trường vẫn phân hóa, cần tiếp tục giải pháp kích cầu phù hợp.



Hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trên địa bàn thành phố Cần Thơ tháng 3/2026 có xu hướng phục hồi sau cao điểm Tết Nguyên đán, tuy nhiên mức tăng trưởng giữa các lĩnh vực còn phân hóa do chịu tác động của nhu cầu đi lại giảm, chi phí nhiên liệu tăng và tính mùa vụ của xuất khẩu nông sản.



Tổng doanh thu tháng 3 ước đạt 1,19 nghìn tỷ đồng, tăng 3,33% so với tháng trước và tăng 12,03% so với cùng kỳ; lũy kế quý I đạt 3,55 nghìn tỷ đồng, tăng 16,82%. Trong đó, vận tải hành khách tăng mạnh (đạt 1,37 nghìn tỷ đồng, tăng 33,63%), trong khi vận tải hàng hóa tăng chậm hơn (đạt 1,74 nghìn tỷ đồng, tăng 5,66%). Nhìn chung, toàn ngành đang dần ổn định nhưng tốc độ phục hồi chưa đồng đều giữa các loại hình vận tải.



Trong 3 tháng đầu năm 2026, kinh tế thế giới tiếp tục phân hóa, dòng vốn có xu hướng dịch chuyển sang vàng trước áp lực địa chính trị, tạo tác động nhất định đến mặt bằng giá trong nước. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 3/2026 tăng 1,47% so với tháng trước, tăng 3,69% so với cùng kỳ; bình quân quý I tăng 2,76%, vẫn trong mức kiểm soát.



Giá vàng biến động mạnh, tháng 3 tăng 1,43% so với tháng trước và tăng 86,69% so với cùng kỳ; bình quân quý I tăng 86,44%. Trong khi đó, chỉ số giá đô la Mỹ tăng nhẹ 0,60% so với tháng trước, bình quân quý I giảm 0,39% so với quý trước nhưng tăng 2,83% so với cùng kỳ. Nhìn chung, mặt bằng giá ổn định nhưng chịu áp lực từ chi phí đầu vào và biến động thị trường quốc tế.



Trong quý I năm 2026, vốn đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ được triển khai tích cực, tập trung ngay từ đầu năm nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án. Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn ước đạt 19.517,14 tỷ đồng, tăng 11,44% so với cùng kỳ, trong đó, vốn đầu tư ngoài nhà nước ước đạt 12.229,62 tỷ đồng, tăng 12,86% tiếp tục giữ vai trò chủ lực, chiếm tỷ trọng lớn. Nhờ đó, hoạt động đầu tư trong quý I năm 2026 đạt kết quả khả quan, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.



Theo số liệu của Kho bạc Nhà nước đến ngày 26/3/2026, lũy kế giá trị giải ngân nguồn vốn đầu tư công đạt 1.341 tỷ đồng và đạt 8,5% so với kế hoạch năm.



Từ ngày 21/02/2026 đến ngày 18/3/2026, toàn thành phố cấp mới đăng ký kinh doanh cho 228 doanh nghiệp các loại hình, giảm 49,33% so với tháng trước; tổng vốn đăng ký đạt 1.669,85 tỷ đồng, giảm 8,22%. Số doanh nghiệp giải thể tự nguyện là 35 doanh nghiệp, giảm 32%; số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động là 104 doanh nghiệp, tăng 38,67%; trong khi đó, có 44 doanh nghiệp đăng ký hoạt động trở lại, tăng 2,33% so với tháng trước.



Lũy kế đến ngày 18/3/2026, toàn thành phố có 1.235 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 70% so với cùng kỳ; tổng vốn đăng ký đạt 5.842,71 tỷ đồng, tăng 7,27%. Số doanh nghiệp giải thể tự nguyện là 170 doanh nghiệp, tăng 115,2%; số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động là 418 doanh nghiệp, tăng 40,27%. Trong khi đó, số doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh là 760 doanh nghiệp, giảm 8% so với cùng kỳ.



Thu ngân sách Nhà nước lũy kế đến ngày 25/3/2026, tổng thu theo dự toán được Chính phủ giao đã thực hiện 8.964 tỷ đồng, đạt 33,35% dự toán Trung ương và HĐND thành phố giao. Trong đó thu nội địa 8.619 tỷ đồng, đạt 32,87% dự toán Trung ương và HĐND thành phố giao; thu hải quan 345,24 tỷ đồng, đạt 52,23% dự toán Trung ương và HĐND thành phố giao.



Chi ngân sách địa phương lũy kế đến ngày 25/3/2026, tổng chi đã thực hiện 15.360 tỷ đồng, đạt 31,57% dự toán HĐND thành phố giao. Trong đó, tổng chi đầu tư phát triển từ dự toán giao 1.837 tỷ đồng, đạt 9,53% dự toán HĐND thành phố giao và chi thường xuyên 5.100 tỷ đồng, đạt 20,17% dự toán HĐND thành phố giao.



Ước đến cuối tháng 3/2026 tổng huy động vốn trên toàn địa bàn đạt 234.765 tỷ đồng, tăng 1,75% so với cuối năm 2025.



Dư nợ tín dụng (chưa bao gồm dư nợ của các công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính) đạt 338.480 tỷ đồng, tăng 2% so với cuối năm 2025. Nợ xấu trên toàn địa bàn là 9.500 tỷ đồng, chiếm 2,81%/tổng dư nợ, dự báo nợ xấu vẫn được kiểm soát ở mức an toàn theo mục tiêu đề ra.



Tháng 02 năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của thành phố Cần Thơ đạt 310 triệu USD, giảm 31,87% so với tháng trước và giảm 12,87% so với cùng kỳ. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 226 triệu USD, giảm 32,74% so với tháng trước và giảm 10,27% so với cùng kỳ; kim ngạch nhập khẩu đạt 84 triệu USD, giảm 29,41% so với tháng trước và giảm 19,18% so với cùng kỳ.



Tính chung 02 tháng đầu năm 2026, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa của thành phố đạt 765 triệu USD, tăng 8,05% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 562 triệu USD, tăng 7,46%; kim ngạch nhập khẩu đạt 203 triệu USD, tăng 9,73%. Cán cân thương mại của thành phố tiếp tục duy trì trạng thái xuất siêu, với giá trị đạt 359 triệu USD.



Từ ngày 15/02/2026 đến ngày 14/3/2026, toàn thành phố ghi nhận 485 trường hợp mắc sốt xuất huyết, tăng 344 trường hợp so với cùng kỳ nhưng giảm 203 trường hợp so với tháng trước; lũy tích 1.452 trường hợp, không có ca tử vong. Bệnh tay chân miệng ghi nhận 248 trường hợp mắc, tăng 90 trường hợp so với cùng kỳ, giảm 150 trường hợp so với tháng trước; lũy tích 790 trường hợp, không có ca tử vong. Đối với sởi ghi nhận 02 trường hợp sốt phát ban nghi sởi (giảm 06 trường hợp so với tháng trước), lũy tích 19 trường hợp, không ghi nhận trường hợp sởi chẩn đoán lâm sàng và sởi dương tính. Nhìn chung, tình hình dịch bệnh được kiểm soát, song số ca mắc vẫn ở mức cao so với cùng kỳ.



Từ ngày 15/02 đến 14/3/2026, trên địa bàn thành phố xảy ra 38 vụ tai nạn giao thông, làm chết 33 người, bị thương 14 người; so với cùng kỳ giảm 4 vụ (-9,52%), số người chết tăng 11 người (+50%), số người bị thương giảm 22 người (-61,11%). Lũy kế quý I/2026, xảy ra 101 vụ, làm chết 83 người, bị thương 38 người; so với cùng kỳ giảm mạnh cả 3 tiêu chí (số vụ giảm 44,81%, số chết giảm 18,63%, số bị thương giảm 69,11%).

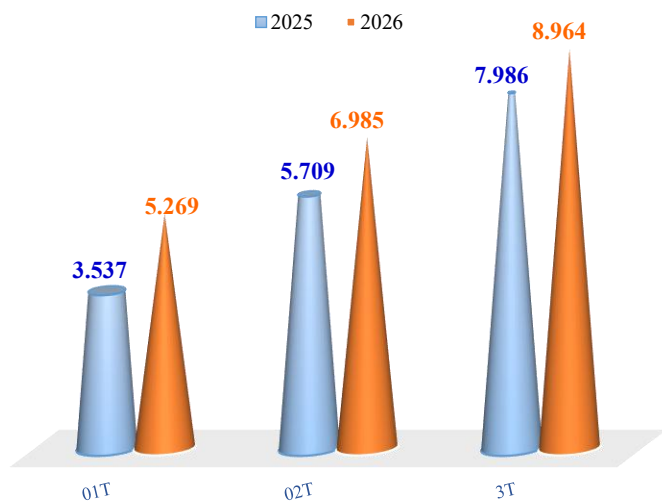


Trong kỳ, không xảy ra vụ cháy, nổ (giảm 01 vụ so với cùng kỳ). Tính chung quý I/2026, xảy ra 15 vụ cháy, làm 01 người bị thương, không có người chết, thiệt hại tài sản khoảng 12,49 tỷ đồng; so với cùng kỳ tăng 10 vụ và tăng 11,29 tỷ đồng thiệt hại. Nhìn chung, tình hình trật tự an toàn giao thông chuyển biến tích cực, tuy nhiên thiệt hại do cháy có xu hướng gia tăng

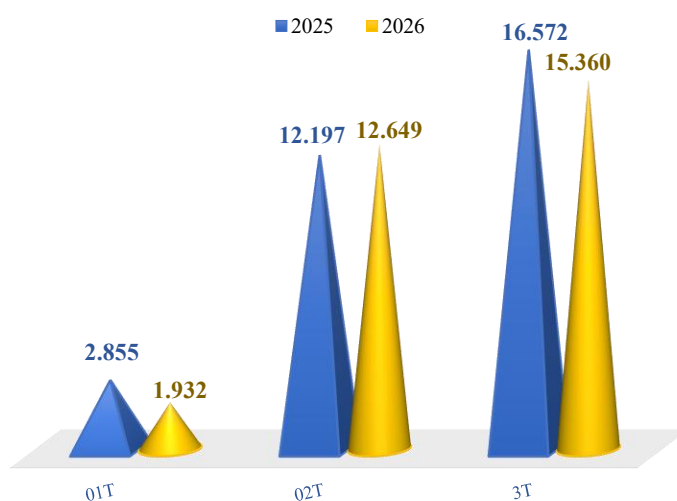


MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THÁNG BA VÀ QUÝ 1 NĂM 2026

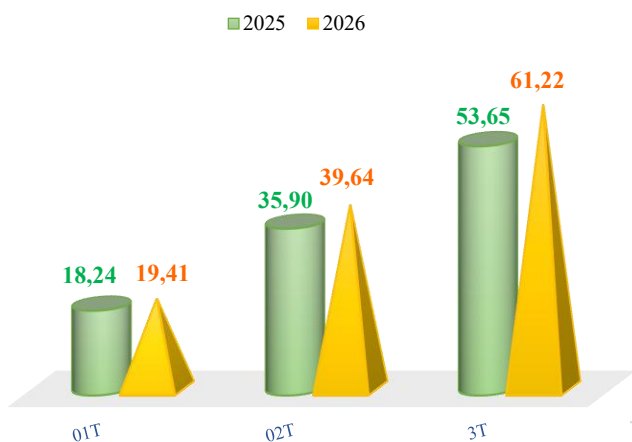
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, tỷ đồng)**



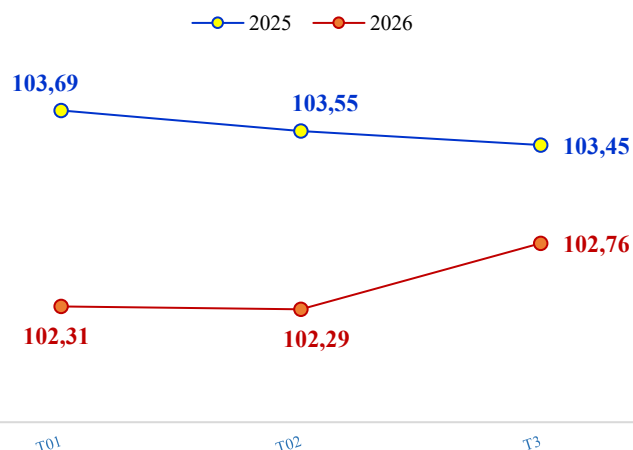
**Tổng chi ngân sách địa phương
(lũy kế, tỷ đồng)**



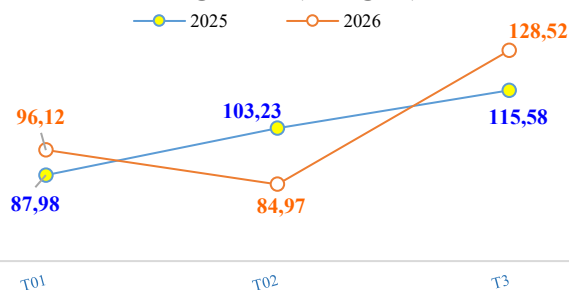
**Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu
dịch vụ tiêu dùng (lũy kế, nghìn tỷ đồng)**



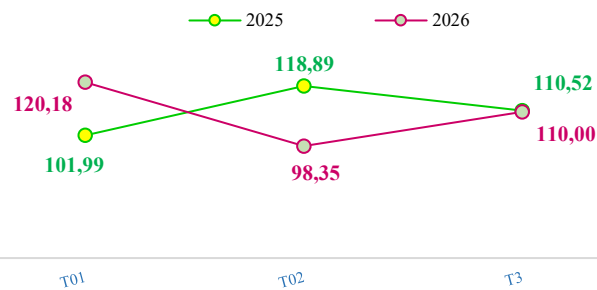
**Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ
(lũy kế, %)**



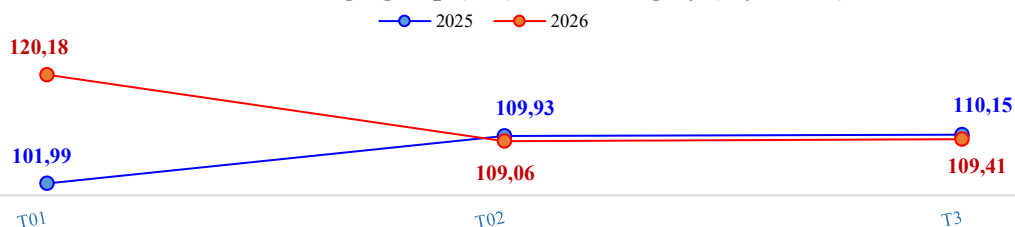
**Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với
tháng trước (tháng, %)**



**Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với
cùng kỳ (tháng, %)**



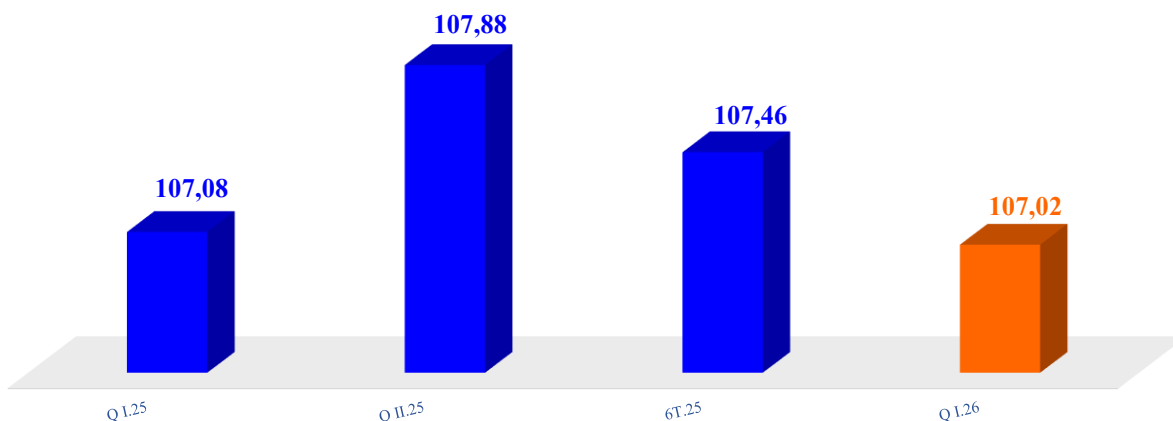
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) so với cùng kỳ (lũy kế, %)



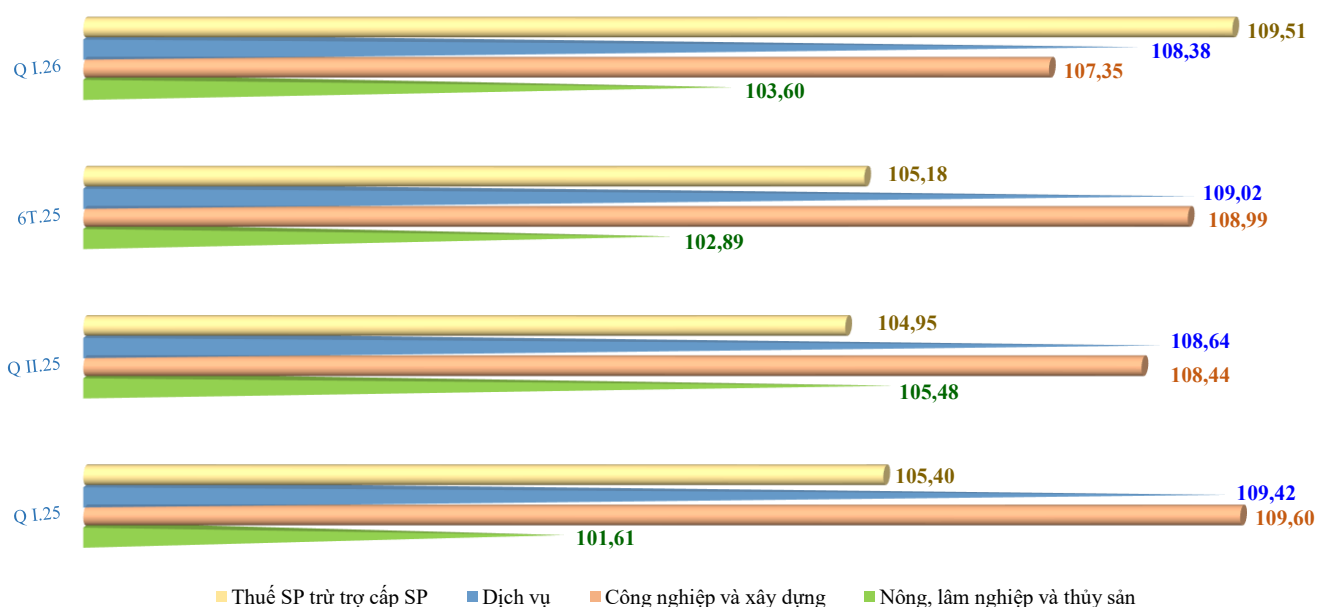


TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP)

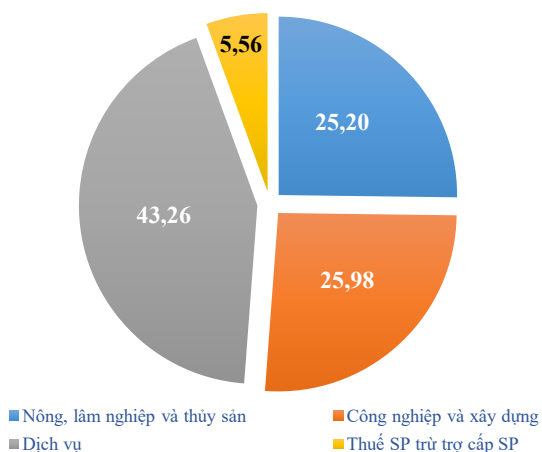
Tốc độ phát triển (GRDP) TP Cần Thơ (theo quý, %)



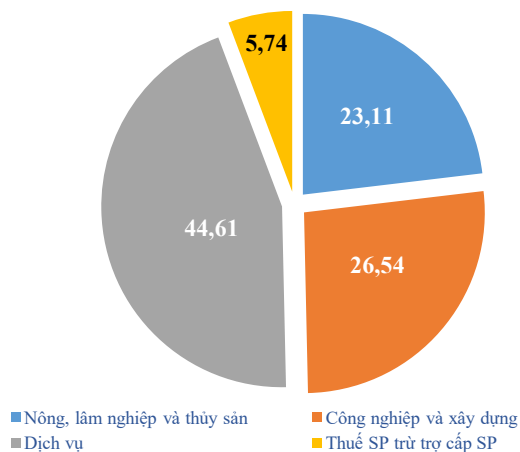
Tốc độ phát triển (GRDP) TP Cần Thơ (theo khu vực, %)



Cơ cấu GRDP quý I năm 2025 (theo giá HH, %)



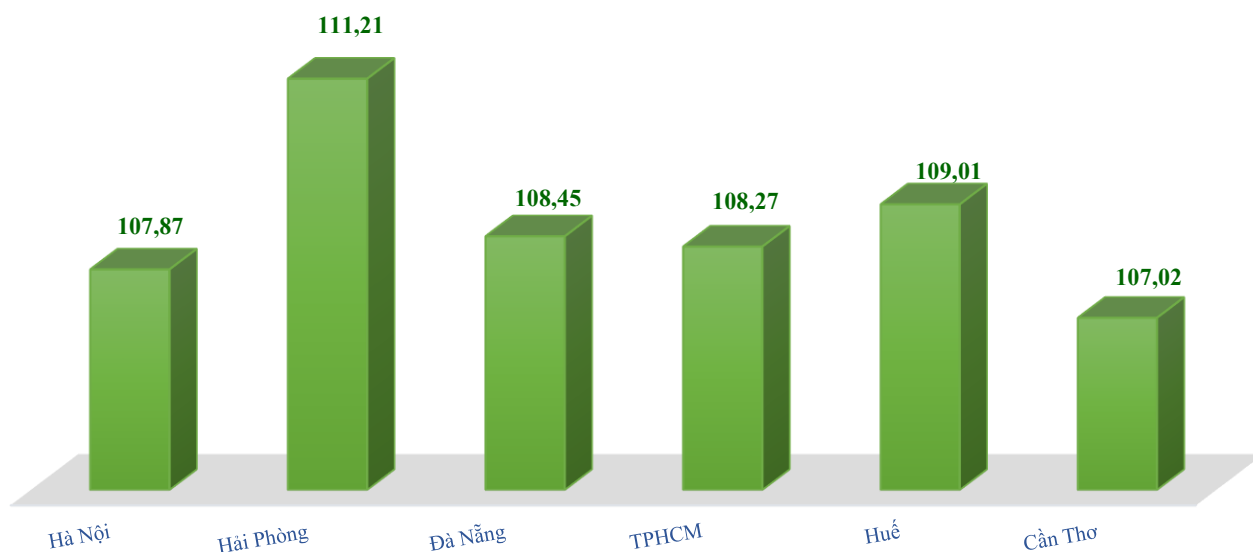
Cơ cấu GRDP quý I năm 2026 (theo giá HH, %)



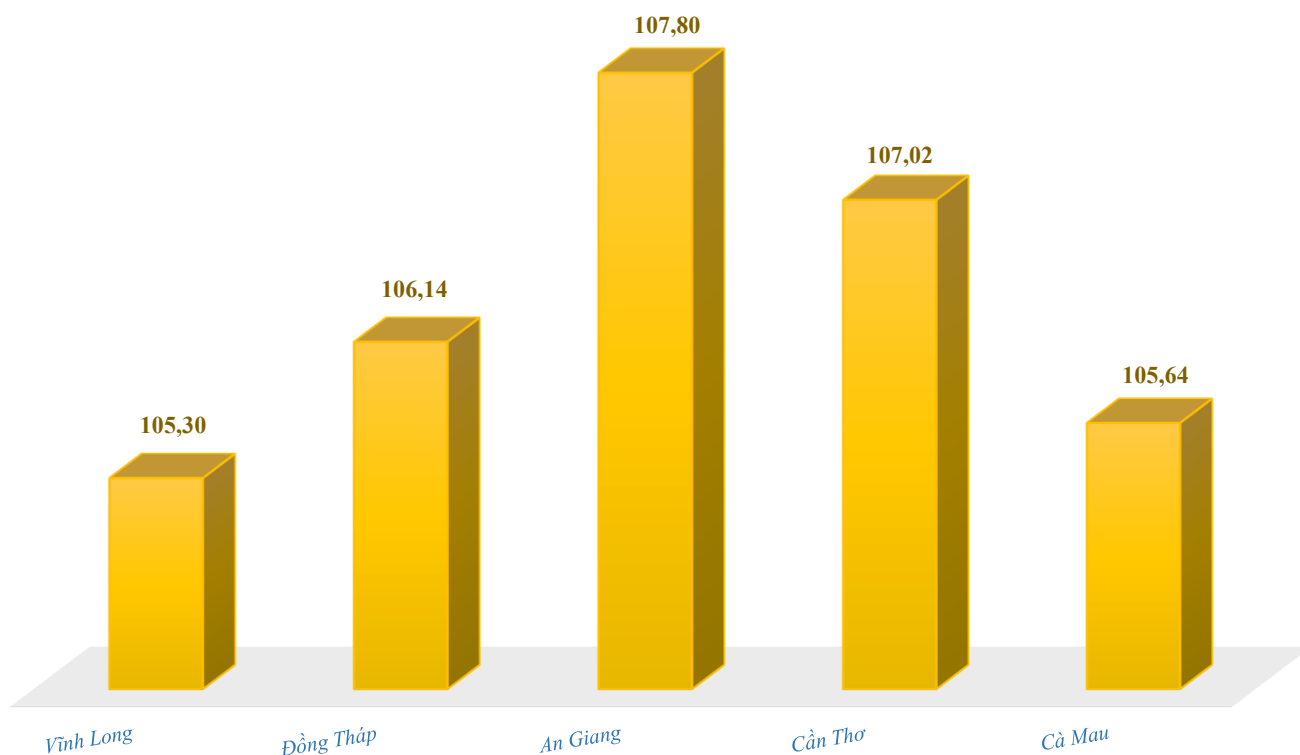


TỔNG SẢN PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN (GRDP) (Tiếp)

**Tốc độ phát triển (GRDP) của 6 TP trực thuộc TW
quý I năm 2026 (%)**



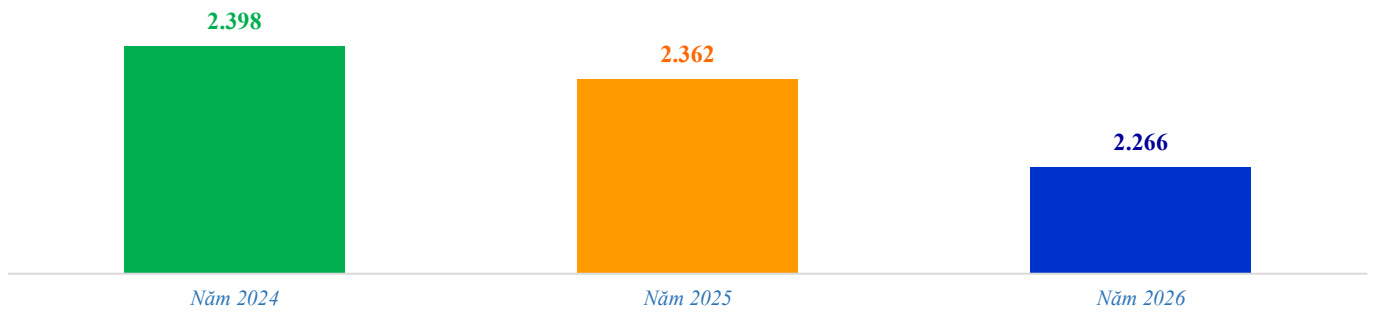
**Tốc độ phát triển (GRDP) các tỉnh Miền tây
quý I năm 2026 (%)**



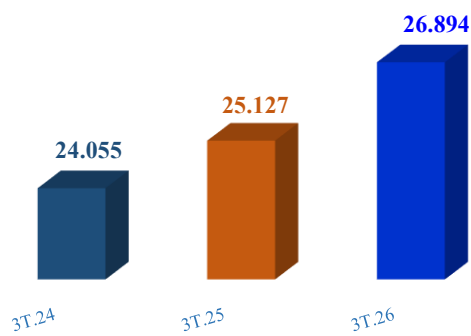


NÔNG NGHIỆP VÀ THỦY SẢN

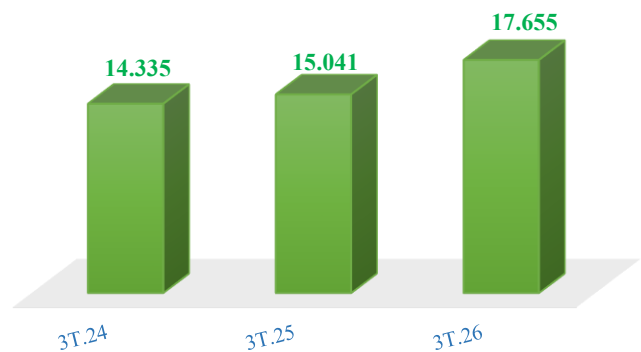
Sản lượng lúa Đông xuân năm 2024 - 2026 (theo vụ, nghìn tấn)



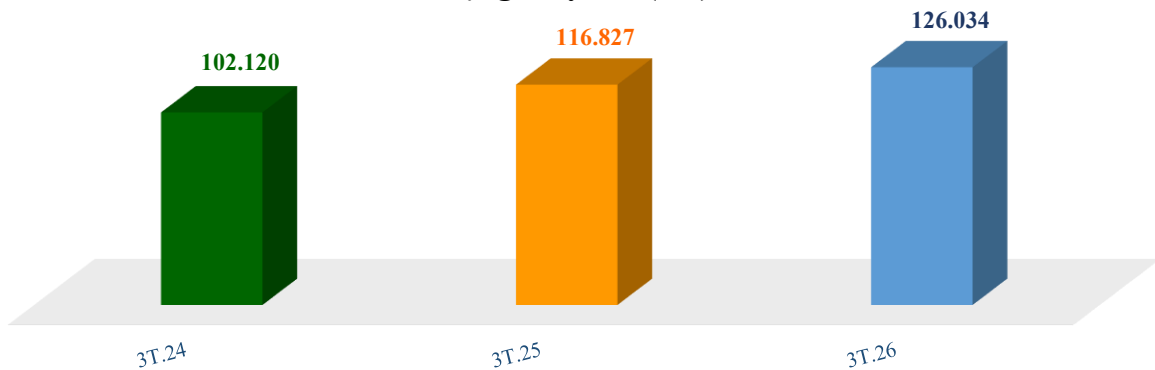
Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng (lũy kế, tấn)



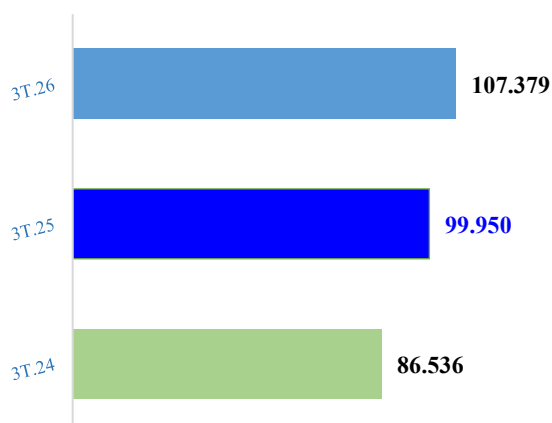
Sản lượng thịt gia cầm xuất chuồng (lũy kế, tấn)



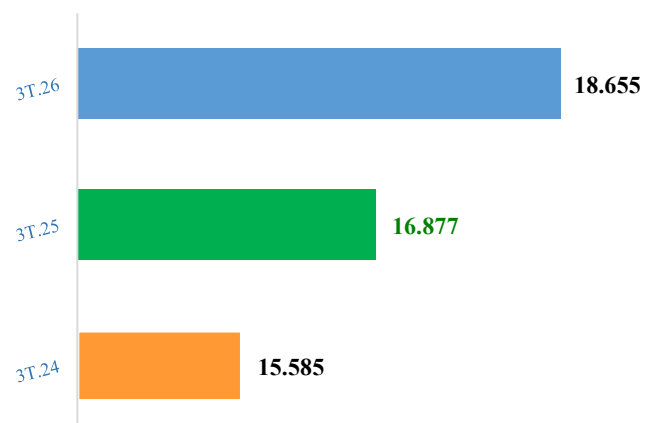
Sản lượng thủy sản (tấn)



Sản lượng nuôi trồng (lũy kế, tấn)



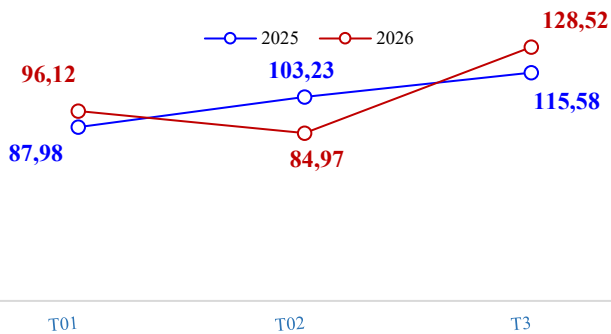
Sản lượng khai thác (lũy kế, tấn)





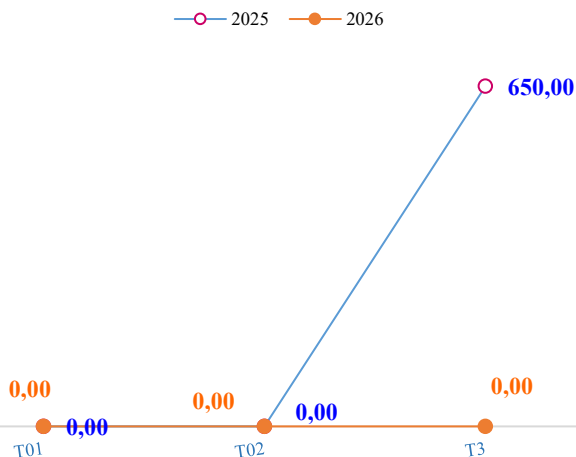
CÔNG NGHIỆP (*)

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành so với tháng trước (theo tháng, %)

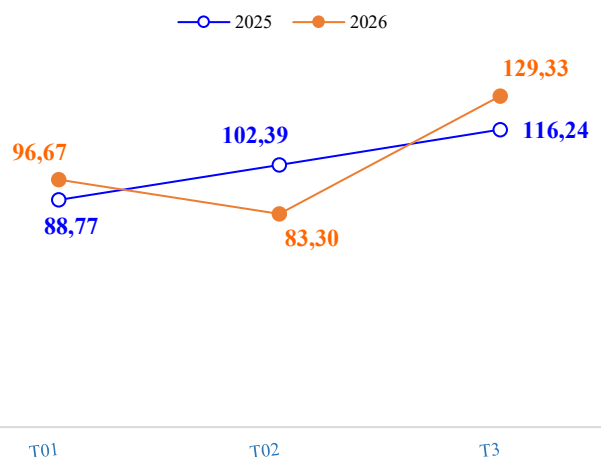


Trong bối cảnh kinh tế toàn cầu còn nhiều biến động, hoạt động sản xuất công nghiệp trên địa bàn thành phố vẫn duy trì đà phục hồi tích cực. Tháng 3/2026, chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 28,52% so với tháng trước.

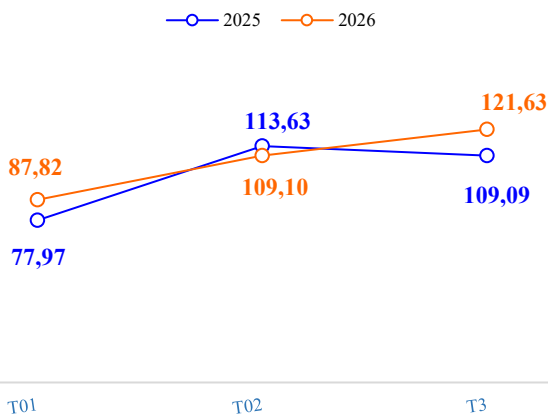
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành khai khoáng so với tháng trước (theo tháng, %)



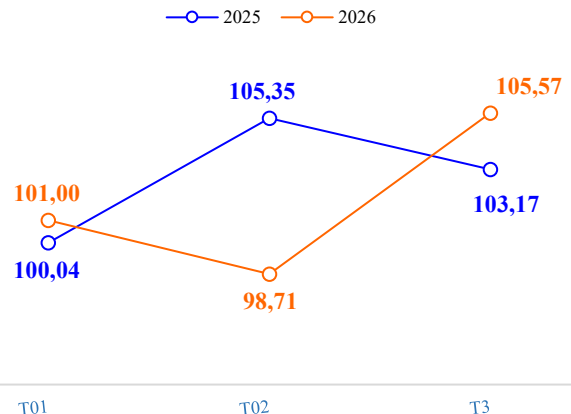
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành công nghiệp chế biến, chế tạo so với tháng trước (theo tháng, %)



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành sản xuất và phân phối điện so với tháng trước (theo tháng, %)



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành cung cấp nước và xử lý rác thải so với tháng trước (theo tháng, %)



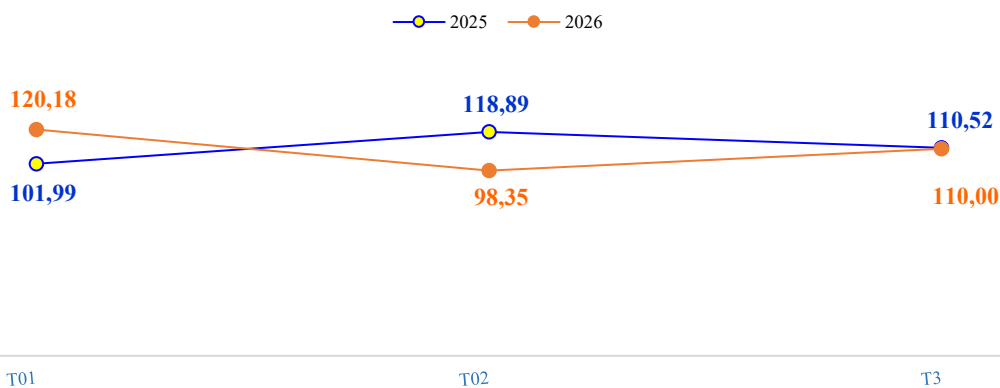
Đã cập nhật chỉ số IIP, Chỉ số tiêu thụ, chỉ số tồn kho của T02/2026 (tháng chính thức)

Riêng chỉ tiêu chỉ số lao động sử dụng là chỉ số ước tính nên chỉ tiêu chỉ số lao động của T02/2026 không có cập nhật lại

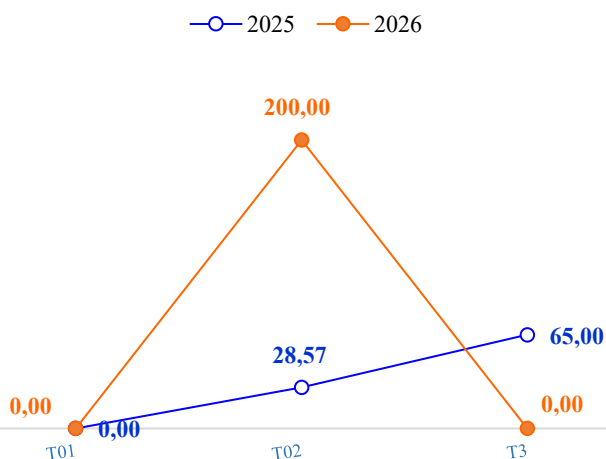


CÔNG NGHIỆP (*)

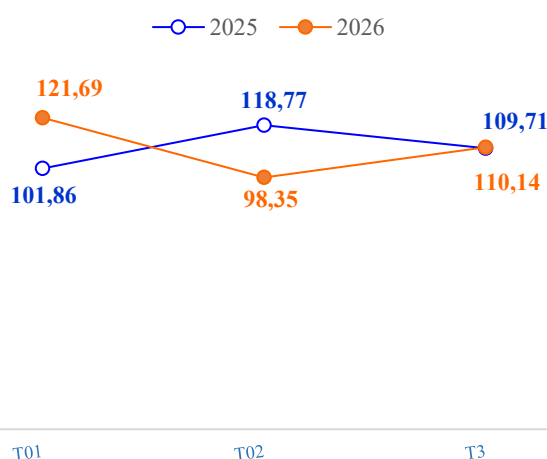
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành so với tháng cùng kỳ
(theo tháng, %)



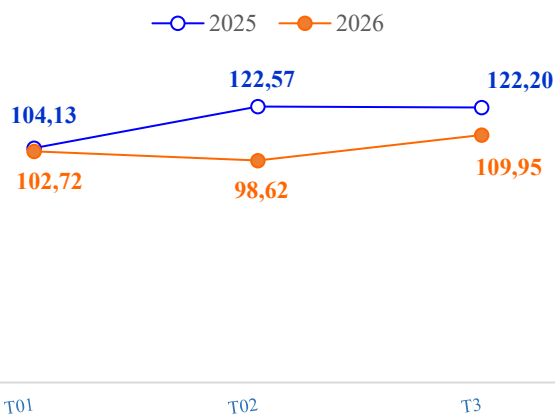
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành khai
khoáng so với tháng cùng kỳ
(theo tháng, %)



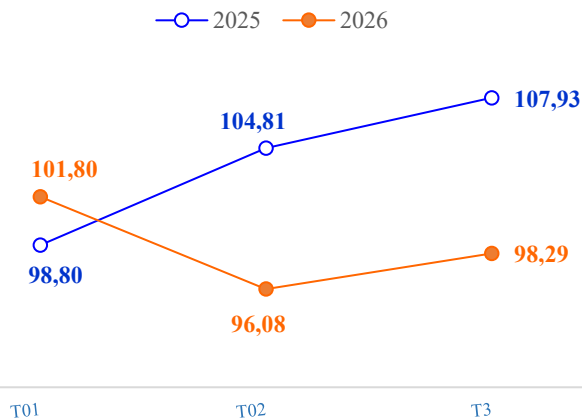
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành
công nghiệp chế biến, chế tạo so với tháng
cùng kỳ (theo tháng, %)



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành sản
xuất và phân phối điện so với tháng cùng kỳ
(theo tháng, %)



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành cung
cấp nước và xử lý rác thải so với tháng cùng
kỳ (theo tháng, %)



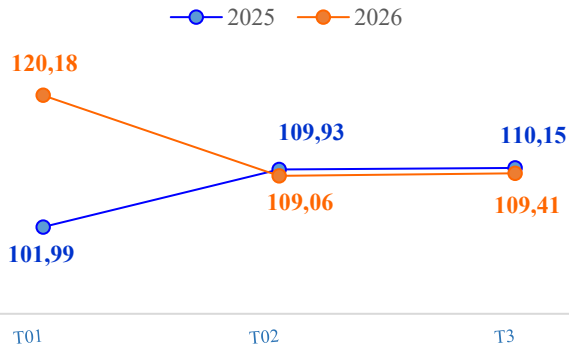
Đã cập nhật chỉ số IIP, Chỉ số tiêu thụ, chỉ số tồn kho của T02/2026 (tháng chính thức)

Riêng chỉ tiêu chỉ số lao động sử dụng là chỉ số ước tính nên chỉ tiêu chỉ số lao động của T02/2026 không có cập nhật lại



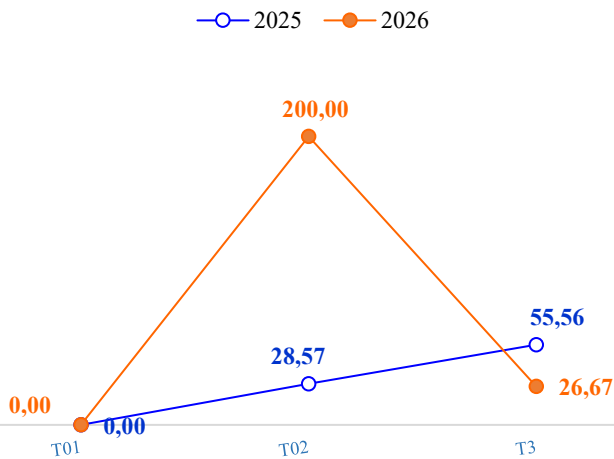
CÔNG NGHIỆP (*)

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) toàn ngành so với cùng kỳ (Lũy kế, %)

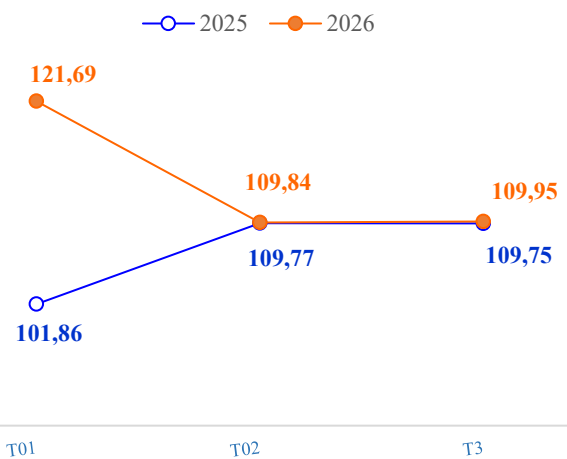


Tính chung quý I/2026, IIP tăng 9,41%, trong đó ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,95%, tiếp tục giữ vai trò động lực chính.

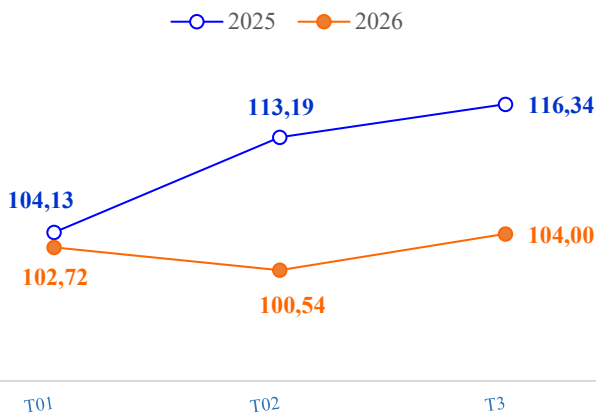
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành khai khoáng so với cùng kỳ (Lũy kế, %)



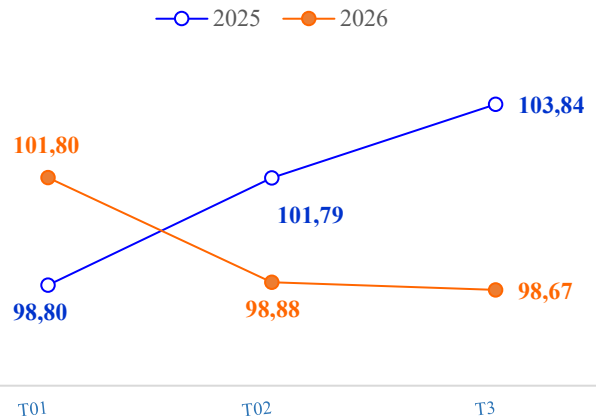
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành công nghiệp chế biến, chế tạo so với cùng kỳ (Lũy kế, %)



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành sản xuất và phân phối điện so với cùng kỳ (Lũy kế, %)



Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ngành cung cấp nước và xử lý rác thải so với cùng kỳ (Lũy kế, %)



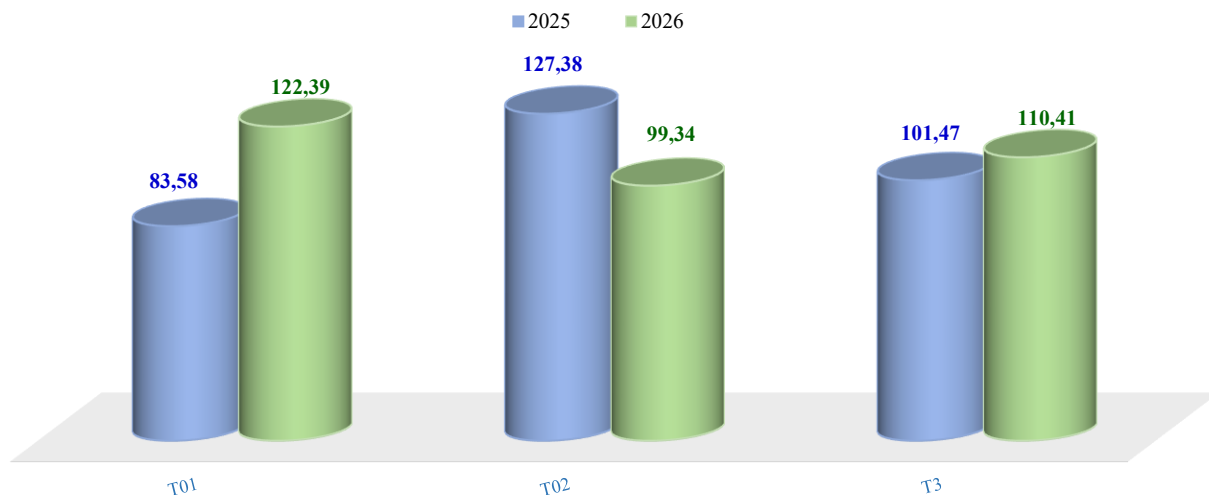
Đã cập nhật chỉ số IIP, Chỉ số tiêu thụ, chỉ số tồn kho của T02/2026 (tháng chính thức)

Riêng chỉ tiêu chỉ số lao động sử dụng là chỉ số ước tính nên chỉ tiêu chỉ số lao động của T02/2026 không có cập nhật lại

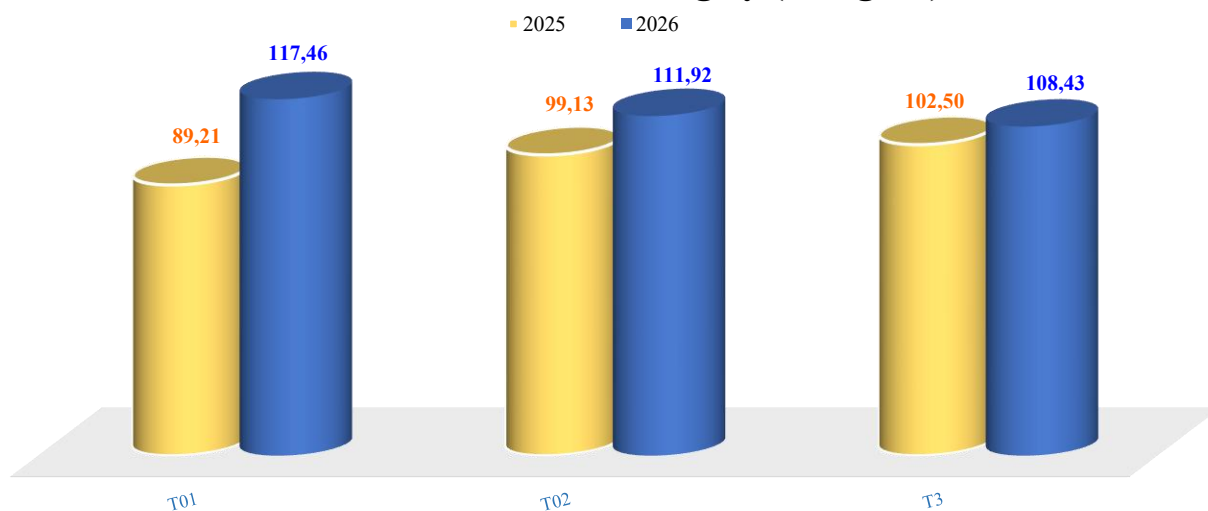


CÔNG NGHIỆP (*)

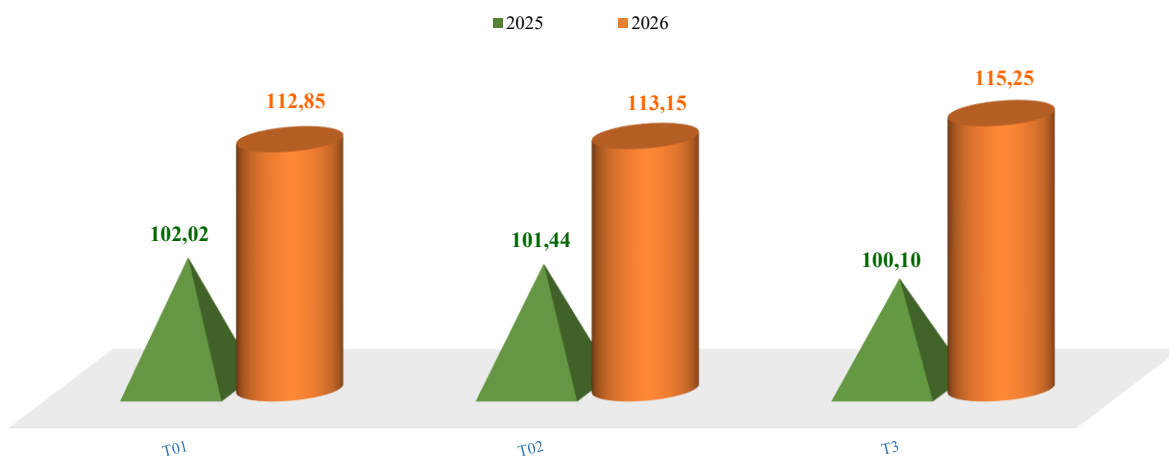
Chỉ số tiêu thụ so với cùng kỳ (tháng, %)



Chỉ số tồn kho so với cùng kỳ (tháng, %)



Chỉ số sử dụng lao động so với cùng kỳ (tháng, %)



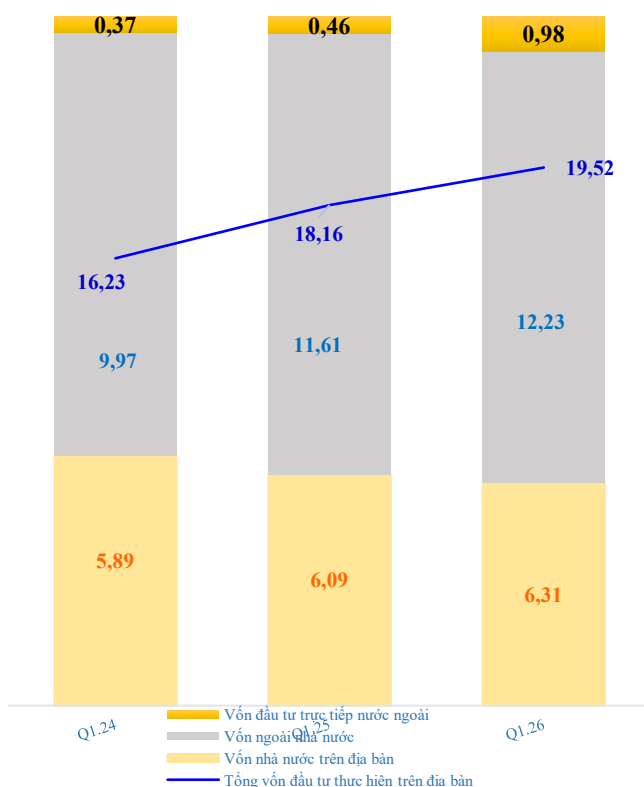
Đã cập nhật chỉ số IIP, Chỉ số tiêu thụ, chỉ số tồn kho của T02/2026 (tháng chính thức)

Riêng chỉ tiêu chỉ số lao động sử dụng là chỉ số ước tính nên chỉ tiêu chỉ số lao động của T02/2026 không có cập nhật lại

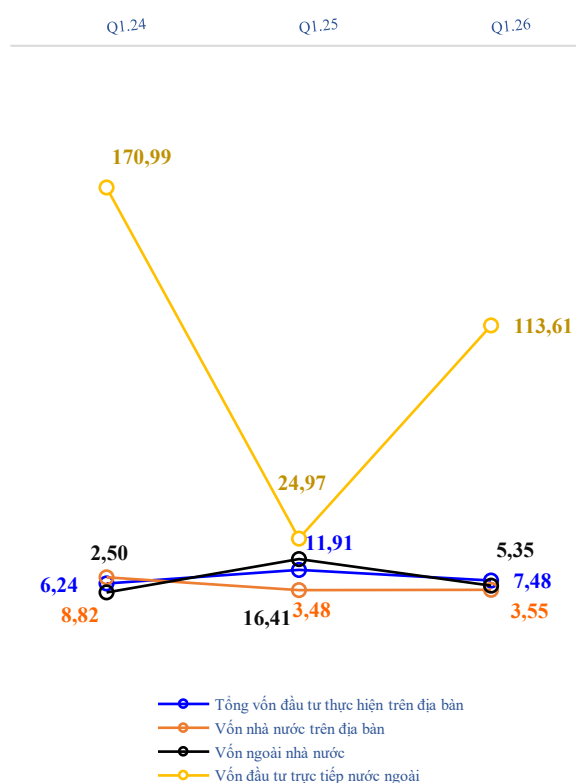


VỐN ĐẦU TƯ THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN

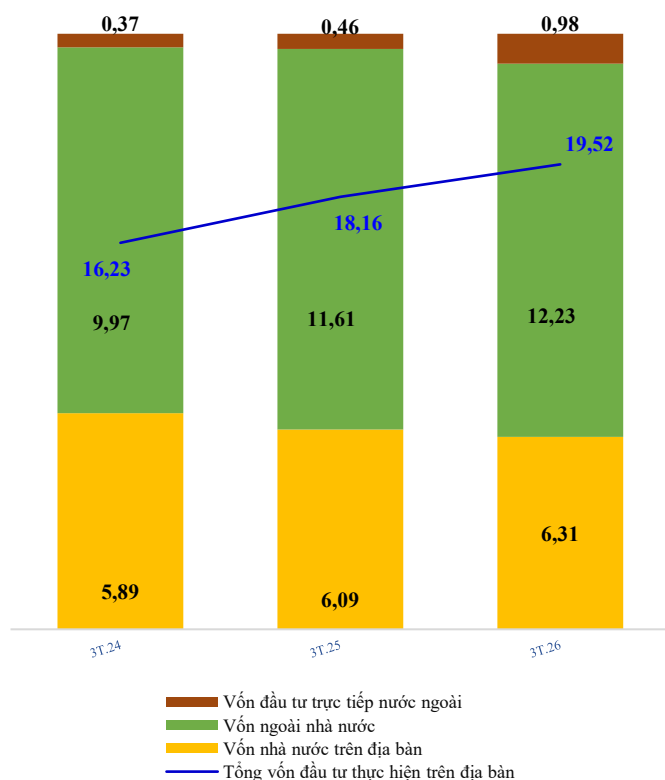
Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành (theo quý, nghìn tỷ đồng)



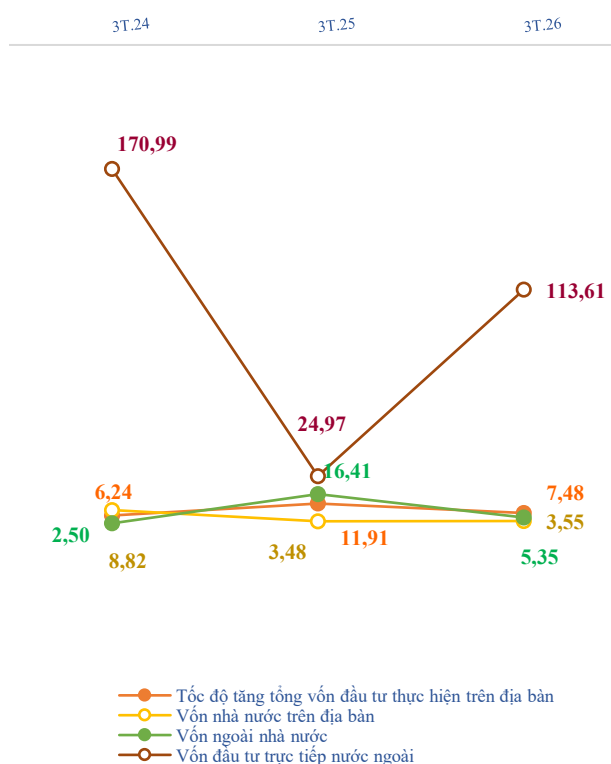
Tốc độ tăng tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với cùng kỳ (theo quý, %)



Tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn theo giá hiện hành (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



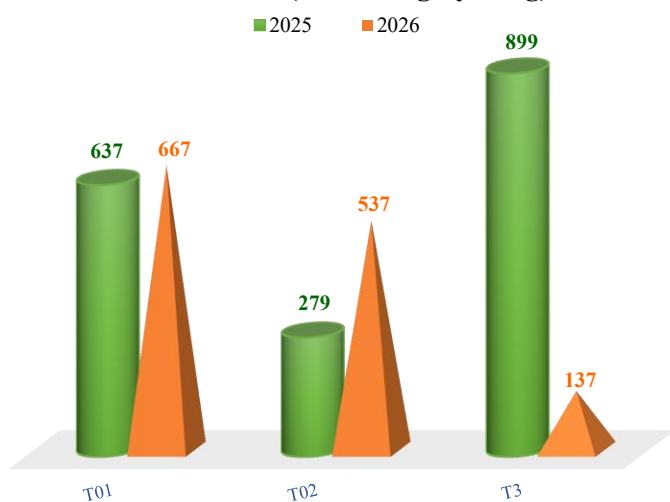
Tốc độ tăng tổng vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn so với cùng kỳ (lũy kế, %)



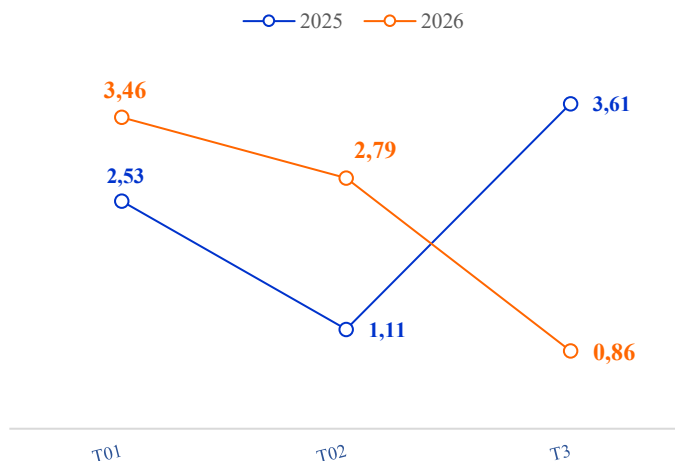


GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG

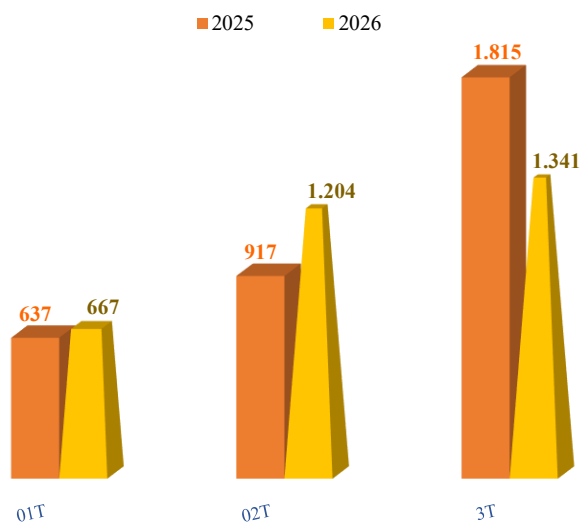
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (theo tháng, tỷ đồng)



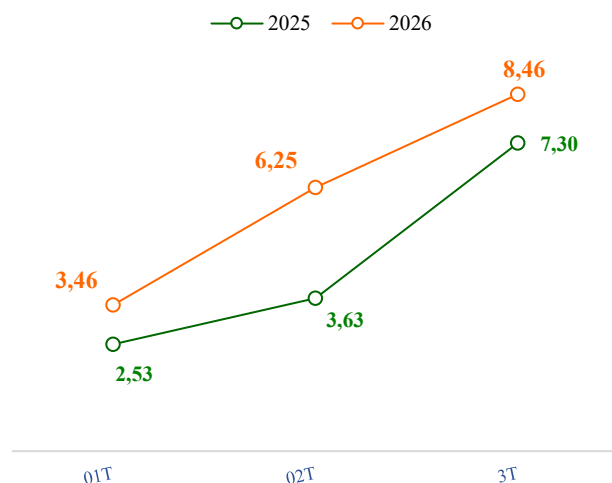
Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước so với kế hoạch (theo tháng, %)



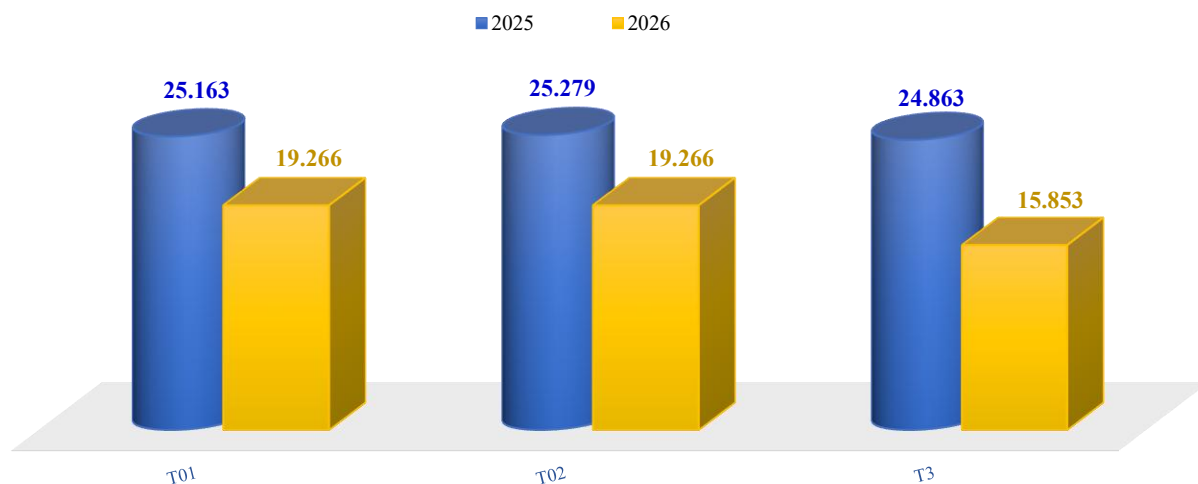
Giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước (lũy kế, tỷ đồng)



Tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư công từ ngân sách nhà nước so với kế hoạch (lũy kế, %)



Kế hoạch các tháng năm 2025 và năm 2026 (tỷ đồng)



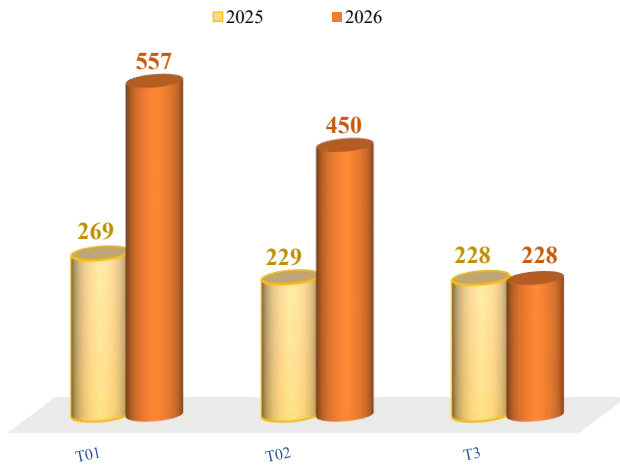
Nguồn: Kho bạc Nhà nước Khu vực XIX

Cập nhật lại số liệu tháng 01/2026. Riêng tháng 3 cập nhật đến ngày 26/3/2026

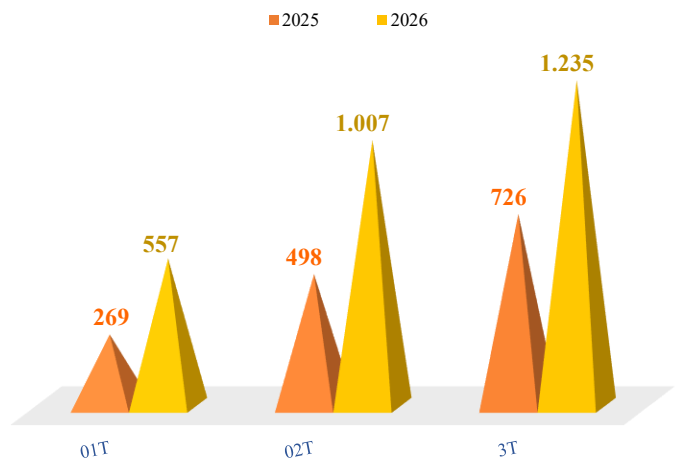


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP(*)

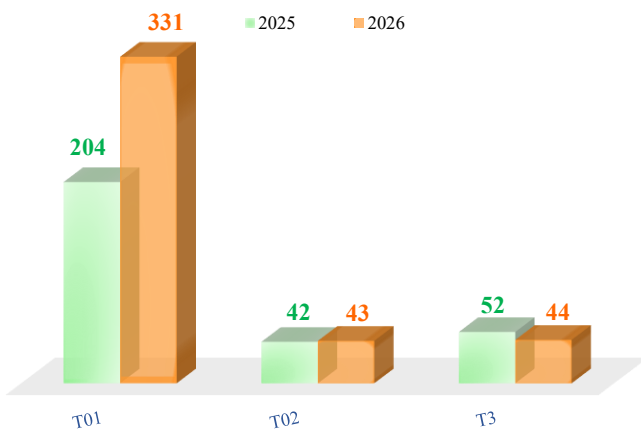
**Số doanh nghiệp thành lập mới
(theo tháng, DN)**



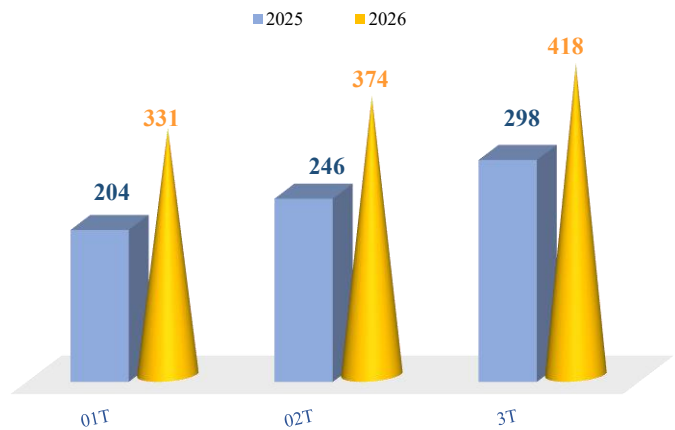
**Số doanh nghiệp thành lập mới
(lũy kế, DN)**



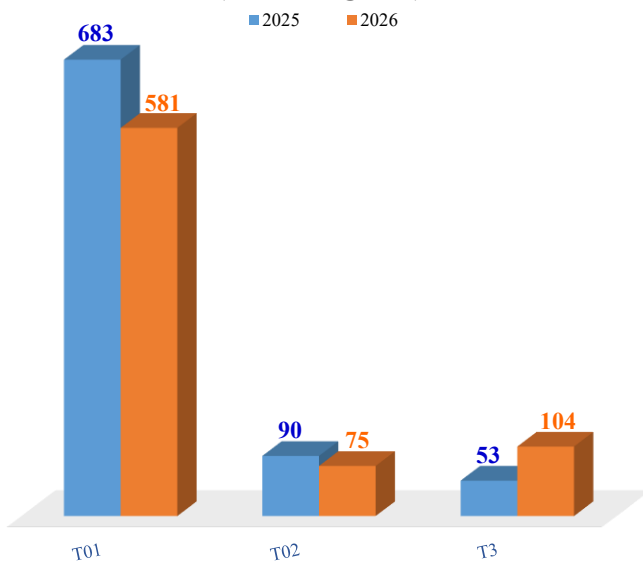
**Số DN quay trở lại hoạt động
(theo tháng, DN)**



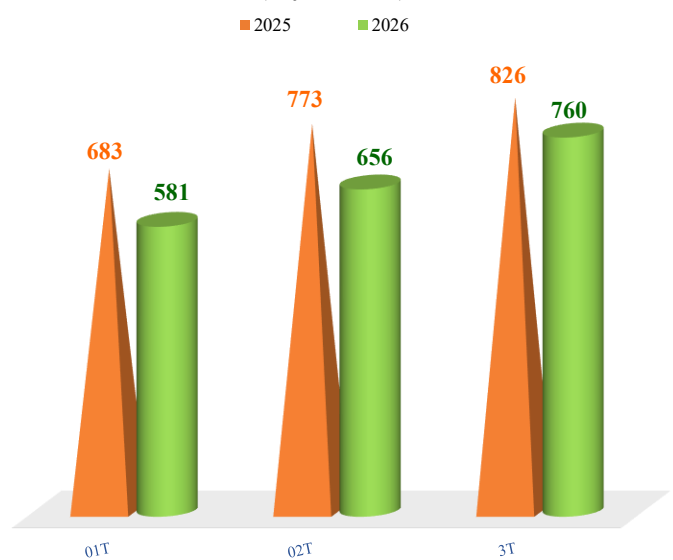
**Số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động
(lũy kế, DN)**



**Số DN tạm ngưng có thời hạn
(theo tháng, DN)**



**Số doanh nghiệp tạm ngưng có thời hạn
(lũy kế, DN)**

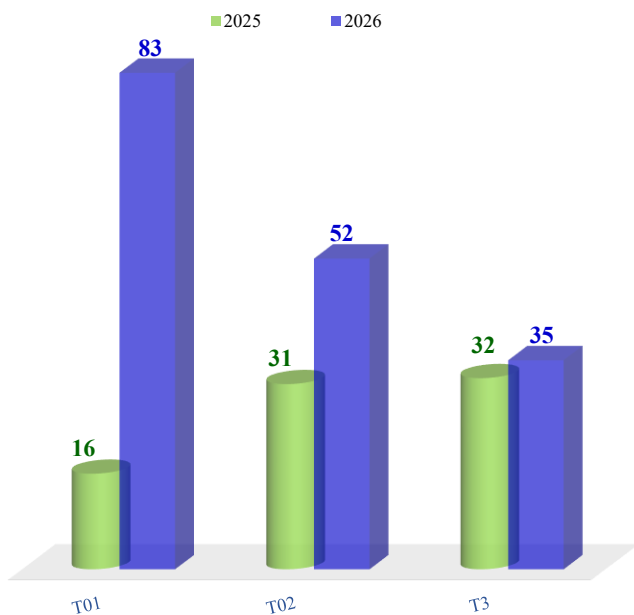


Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ
Cập nhật số liệu tháng 01, 02/2025 và tháng 01/2026

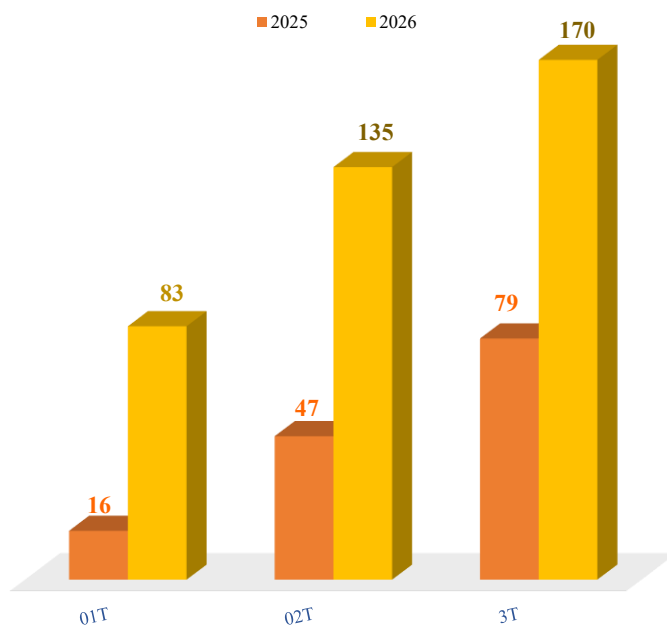


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP(*) (tiếp theo)

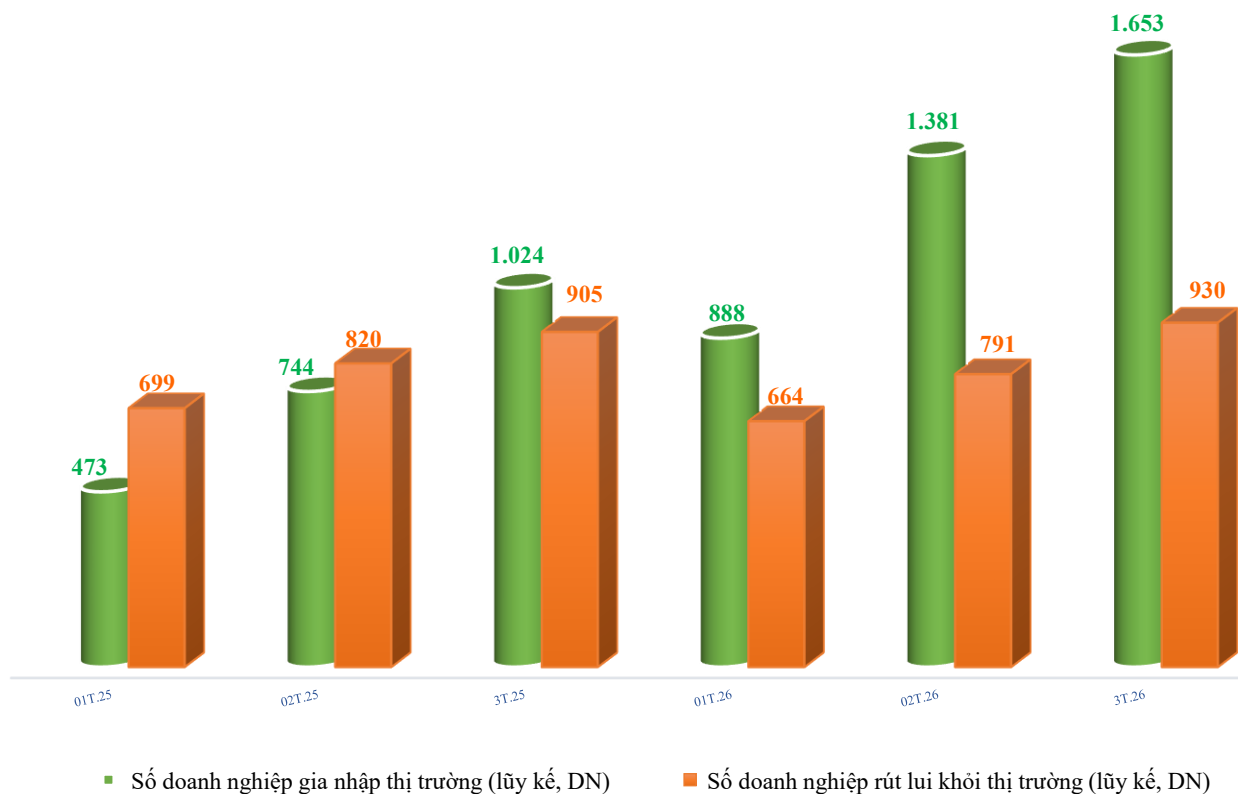
Số doanh nghiệp chờ giải thể/giải thể
(theo tháng, DN)



Số doanh nghiệp chờ giải thể/giải thể
(lũy kế, DN)



Số DN gia nhập và số DN rút lui khỏi thị trường
(lũy kế, DN)



Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ
Cập nhật số liệu tháng 01, 02/2025 và tháng 01/2026

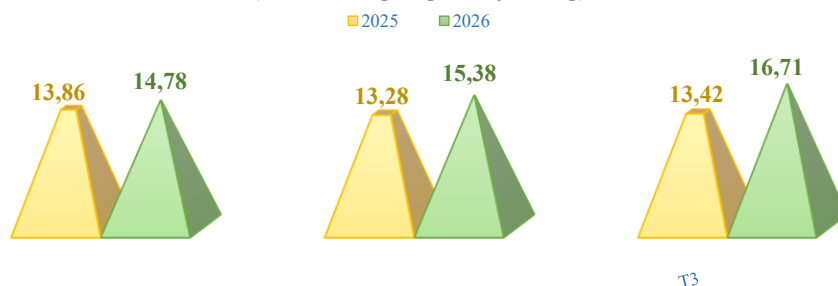


TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG

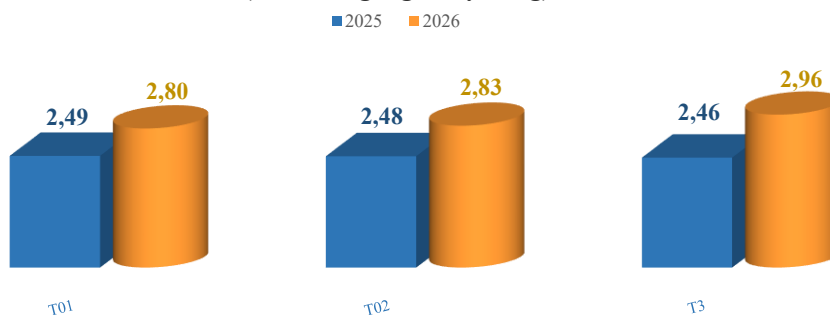
Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



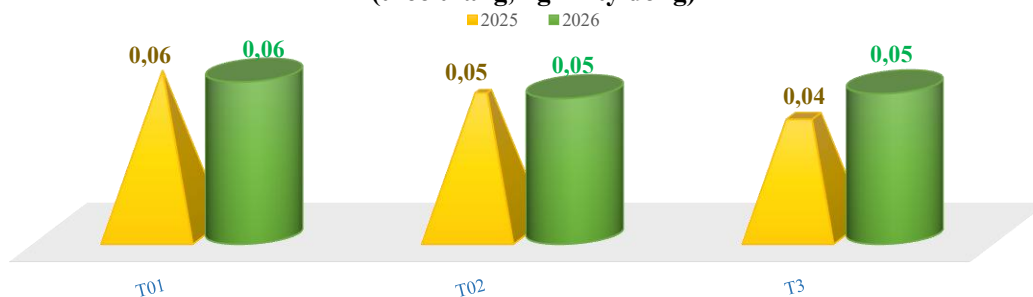
Bán lẻ hàng hóa
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



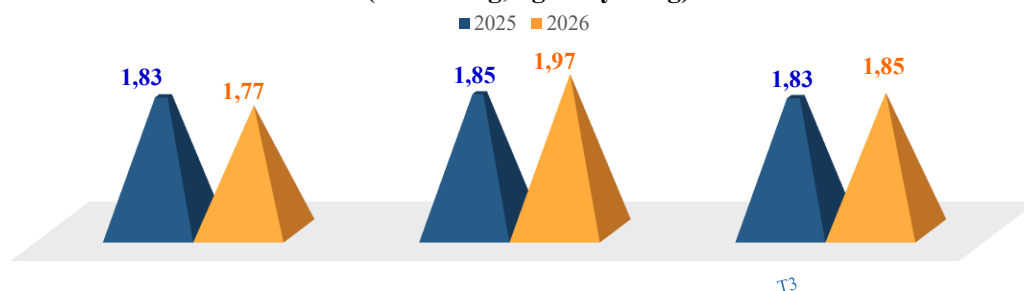
Dịch vụ lưu trú, ăn uống
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Du lịch lữ hành
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)



Dịch vụ khác
(theo tháng, nghìn tỷ đồng)

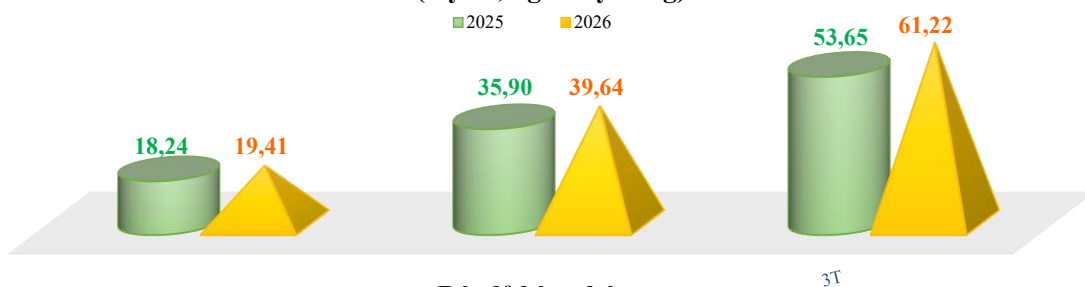


Cập nhật số liệu từ tháng 01-03/2025 và tháng 01/2026



TỔNG MỨC BÁN LẺ HÀNG HÓA VÀ DOANH THU DỊCH VỤ TIÊU DÙNG (tiếp)

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



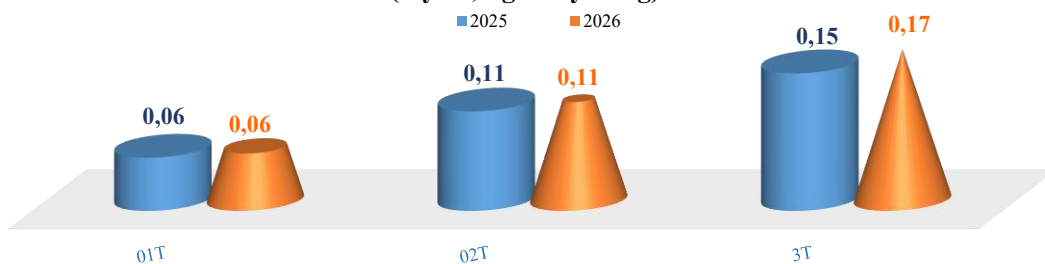
Bán lẻ hàng hóa (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Dịch vụ lưu trú, ăn uống (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Du lịch lữ hành (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



Dịch vụ khác (lũy kế, nghìn tỷ đồng)



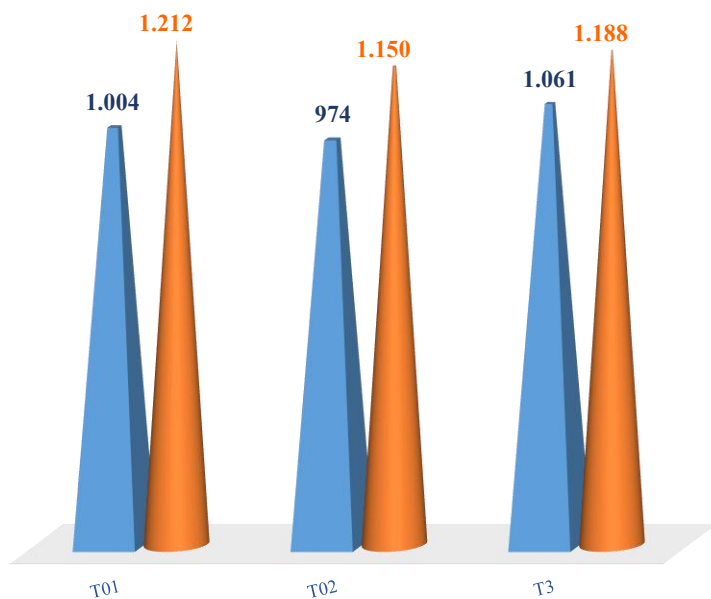
Cập nhật số liệu từ tháng 01-03/2025 và tháng 01/2026



VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI

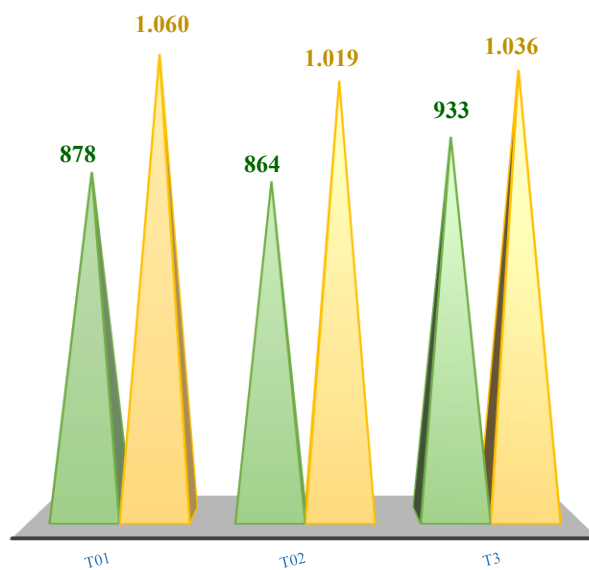
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ vận tải
(theo tháng, tỷ đồng)

■ 2025 ■ 2026



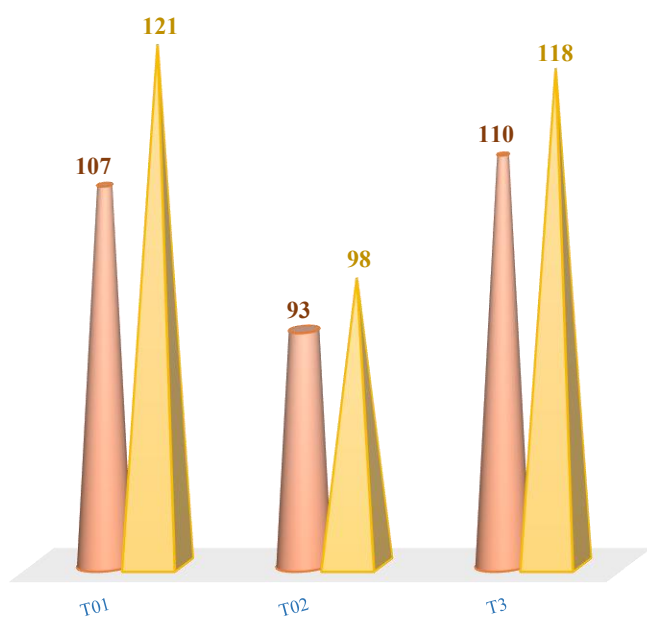
Doanh thu vận tải
(theo tháng, tỷ đồng)

■ 2025 ■ 2026



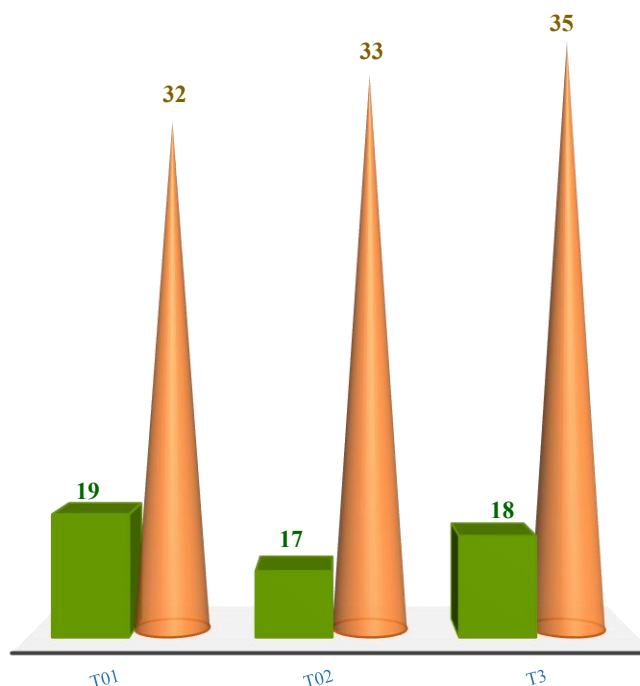
Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ
(theo tháng, tỷ đồng)

■ 2025 ■ 2026



Doanh thu bưu chính, chuyển phát
(theo tháng, tỷ đồng)

■ 2025 ■ 2026

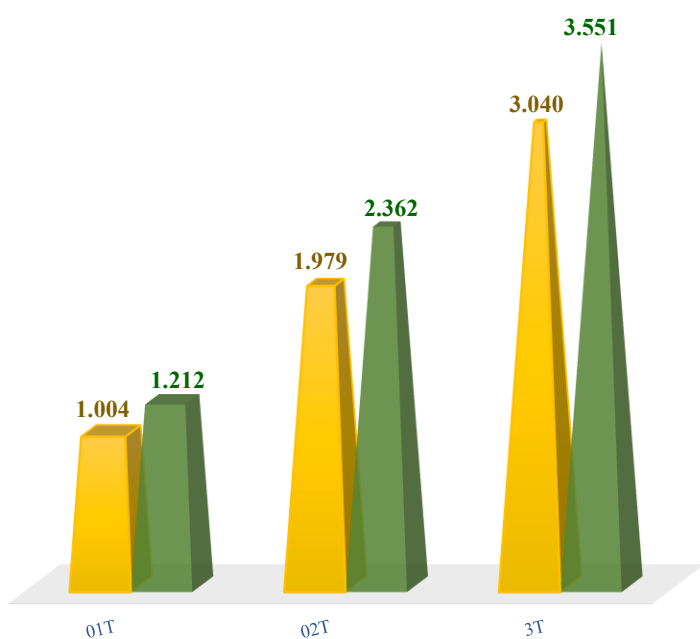




VẬN TẢI, KHO BÃI VÀ DỊCH VỤ HỖ TRỢ VẬN TẢI (tiếp)

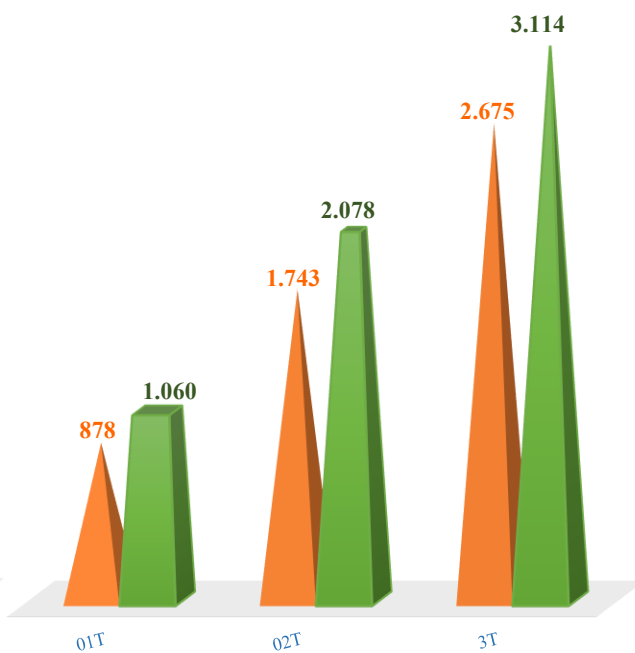
Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ
(lũy kế, tỷ đồng)

■ 2025 ■ 2026



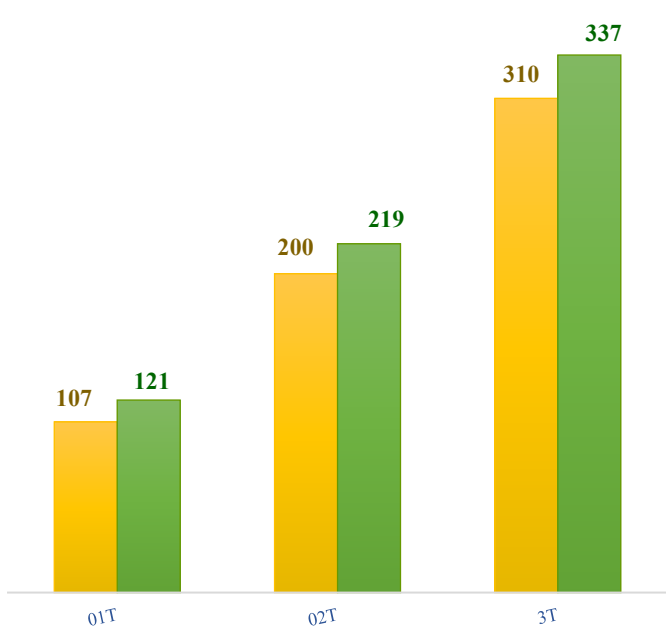
Doanh thu vận tải
(lũy kế, tỷ đồng)

■ 2025 ■ 2026



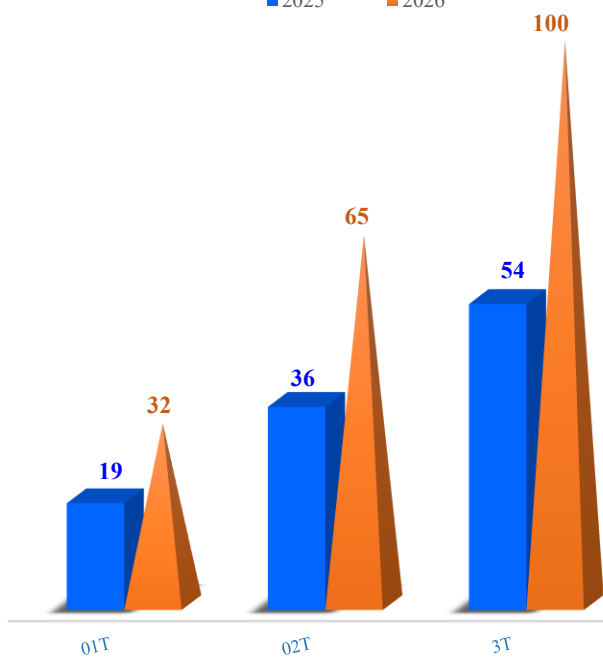
Doanh thu kho bãi, dịch vụ hỗ trợ
(lũy kế, tỷ đồng)

■ 2025 ■ 2026



Doanh thu bưu chính, chuyển phát
(lũy kế, tỷ đồng)

■ 2025 ■ 2026



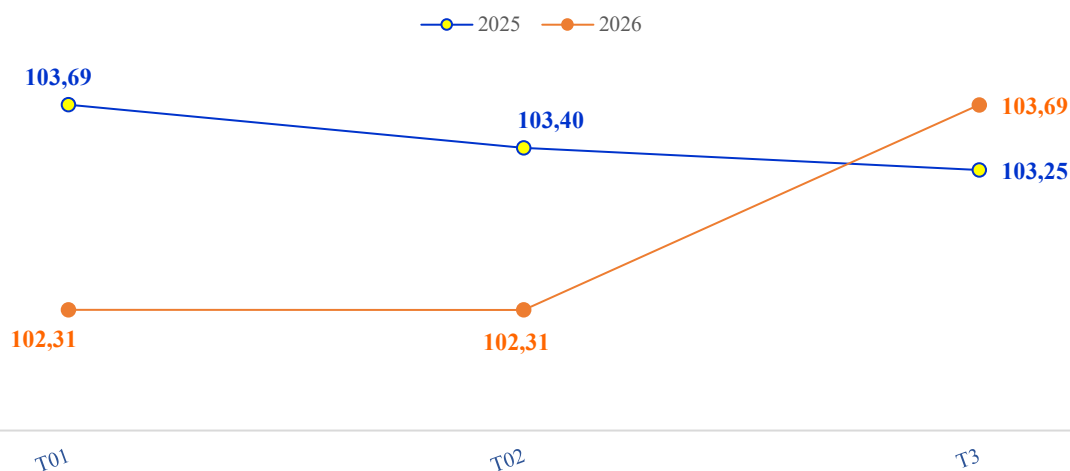


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ

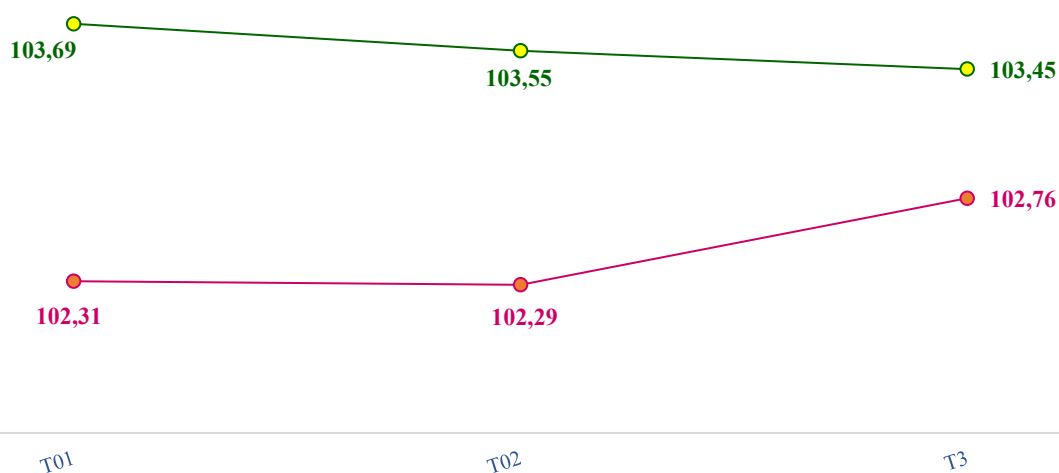
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với tháng trước (%)



Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) so với cùng kỳ (%)



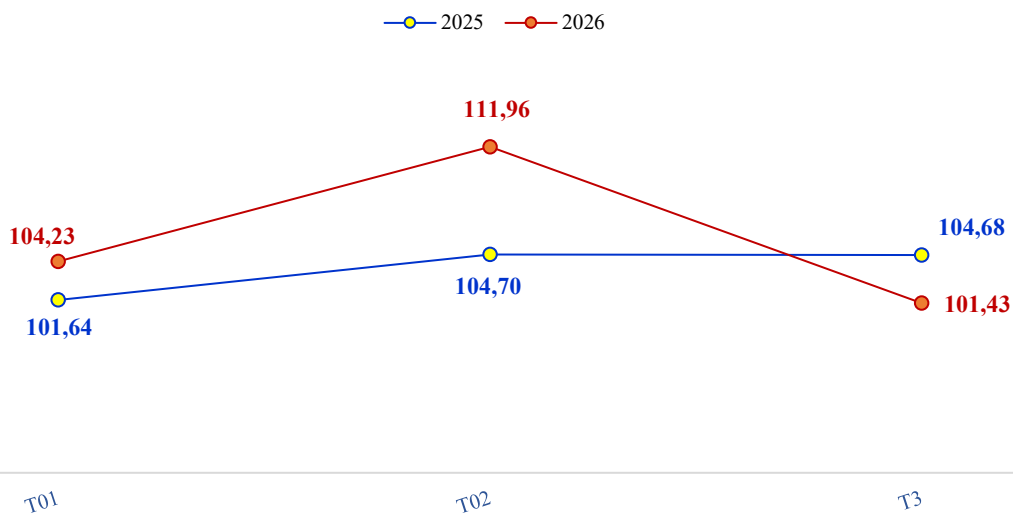
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân cùng kỳ (lũy kế, %)



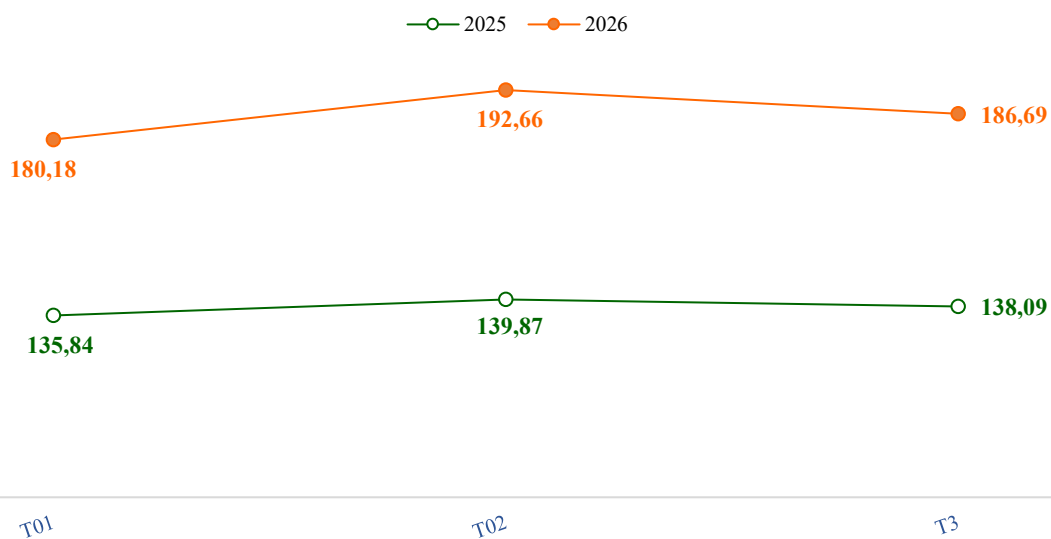


CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ (tiếp theo)

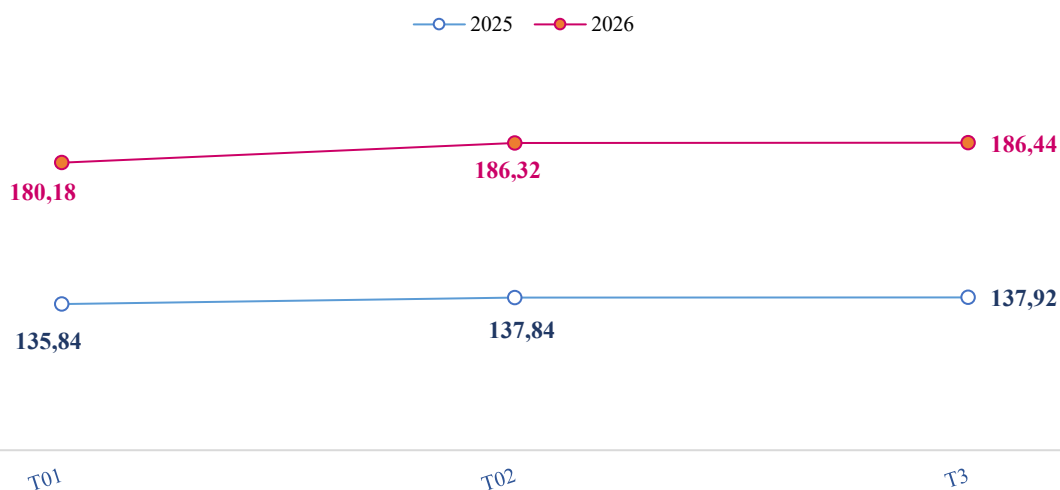
Chỉ số giá vàng so với tháng trước (%)



Chỉ số giá vàng so với cùng kỳ (%)



Chỉ số giá vàng bình quân so cùng kỳ (lũy kế, %)

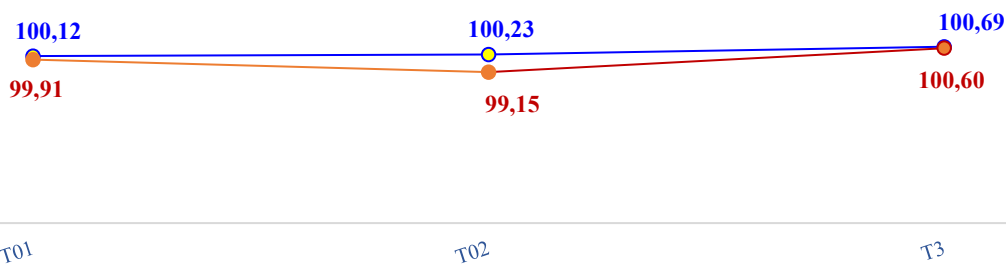




CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG, GIÁ VÀNG VÀ ĐÔ LA MỸ (tiếp theo)

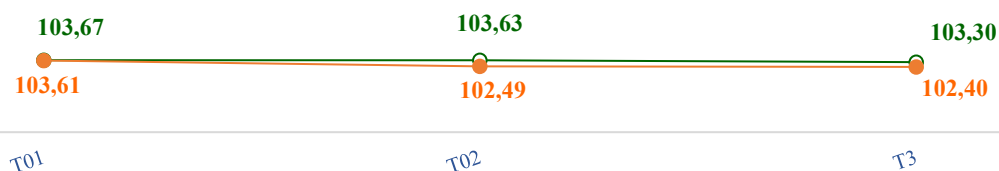
Chỉ số giá Đô la Mỹ so với tháng trước (%)

—●— 2025 —●— 2026



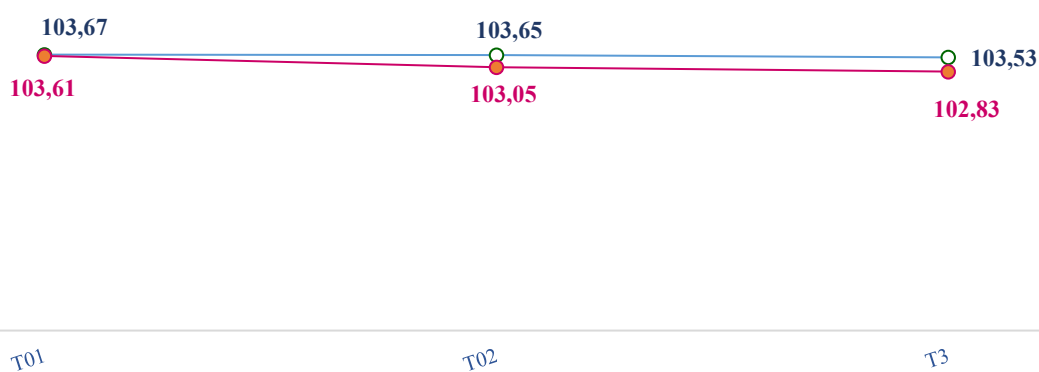
Chỉ số giá Đô la Mỹ so với cùng kỳ (%)

—○— 2025 —●— 2026



Chỉ số giá Đô la Mỹ bình quân so cùng kỳ (lũy kế, %)

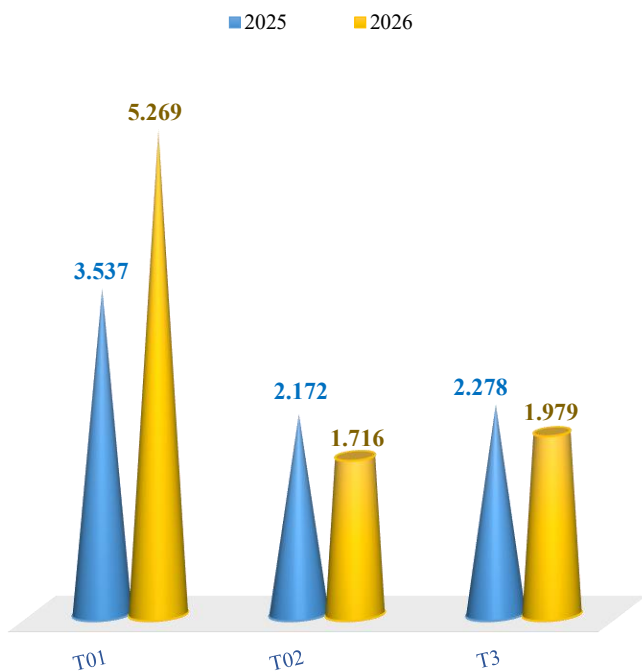
—○— 2025 —●— 2026



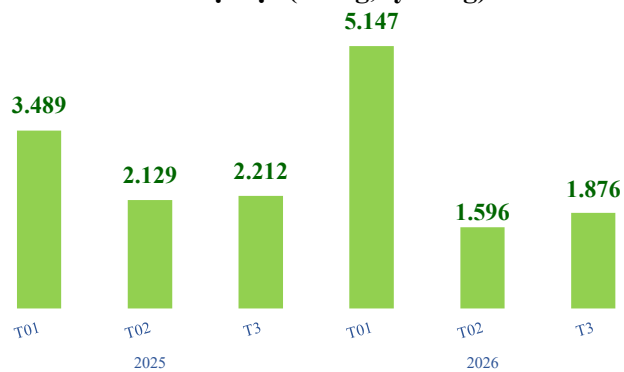


THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(*)

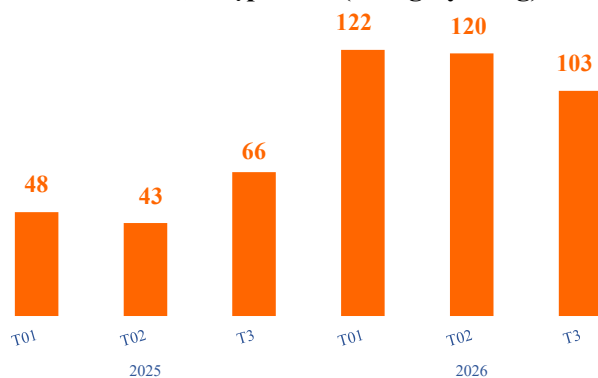
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(tháng, tỷ đồng)**



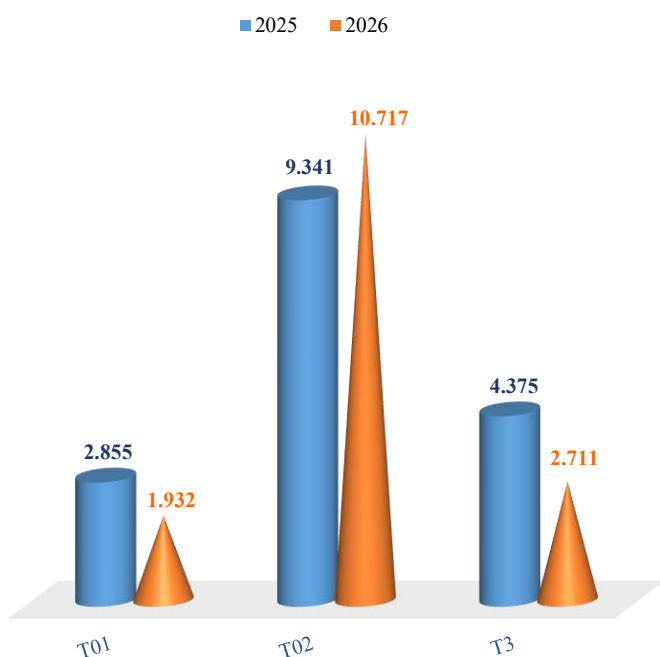
Thu nội địa (tháng, tỷ đồng)



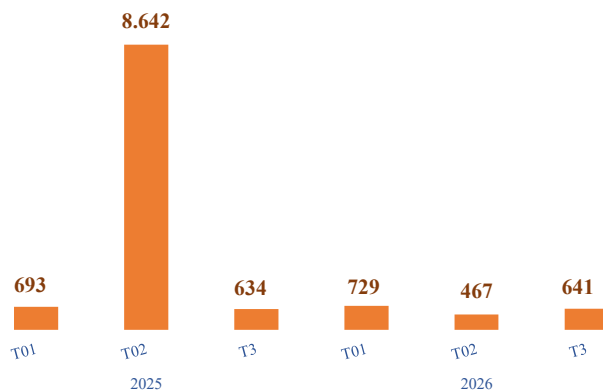
Thu xuất, nhập khẩu (tháng, tỷ đồng)



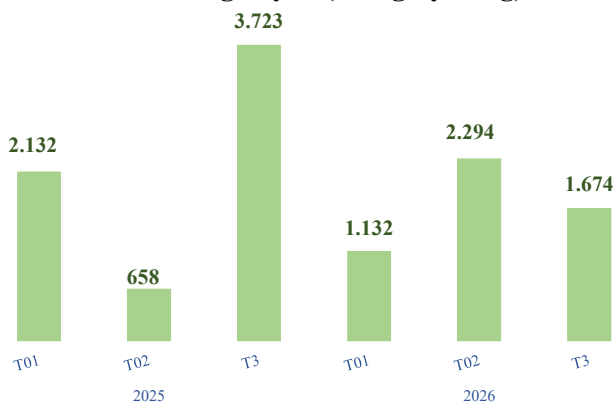
**Tổng chi ngân sách địa phương
(tháng, tỷ đồng)**



Chi đầu tư phát triển (tháng, tỷ đồng)



Chi thường xuyên (tháng, tỷ đồng)



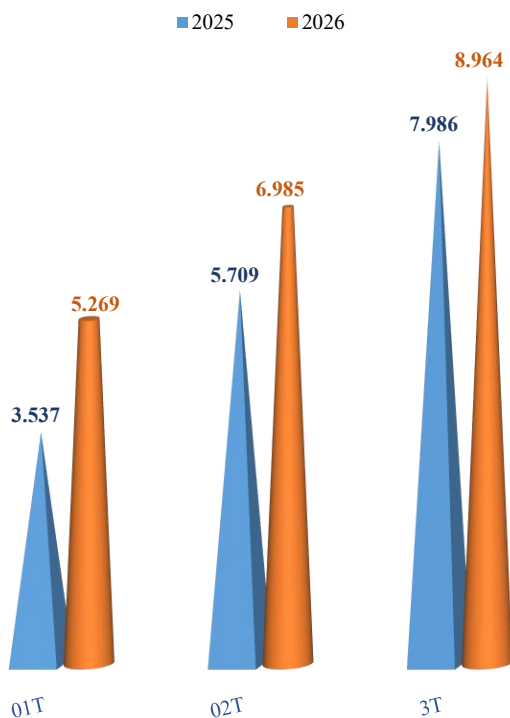
Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ

(*) Số liệu các tháng trước được cập nhật đến ngày cuối tháng. Riêng tháng Ba cập nhật đến ngày 25/3/2026

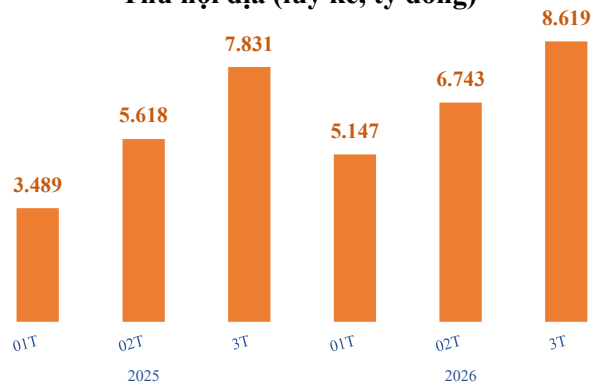


THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN(*)

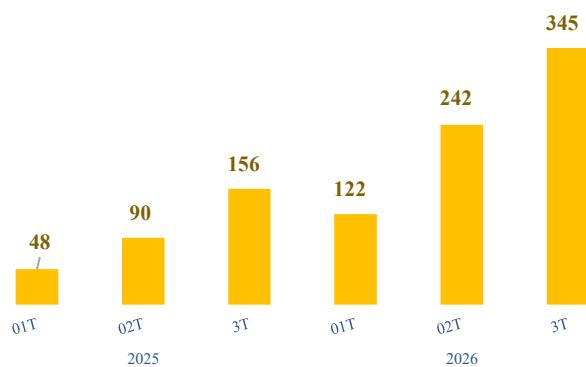
**Tổng thu ngân sách nhà nước
(lũy kế, tỷ đồng)**



Thu nội địa (lũy kế, tỷ đồng)

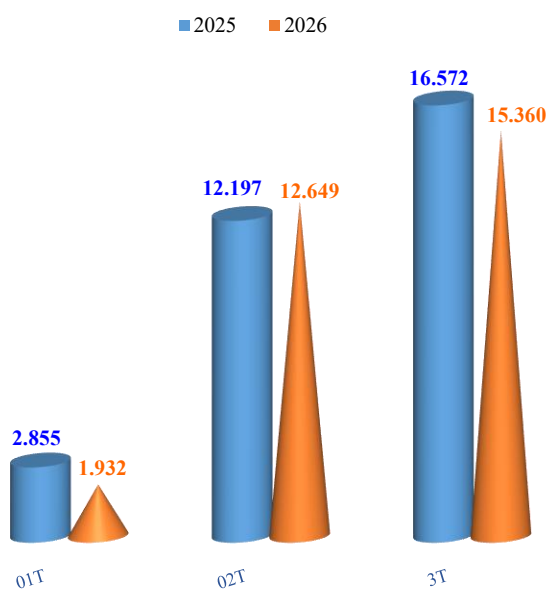


Thu xuất, nhập khẩu (lũy kế, tỷ đồng)

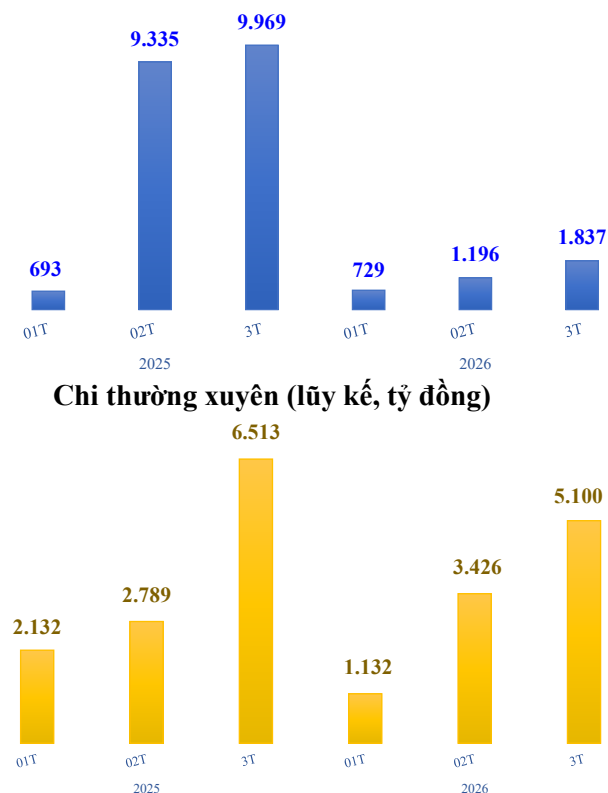


Chi đầu tư phát triển (lũy kế, tỷ đồng)

**Tổng chi ngân sách địa phương
(lũy kế, tỷ đồng)**



Chi thường xuyên (lũy kế, tỷ đồng)

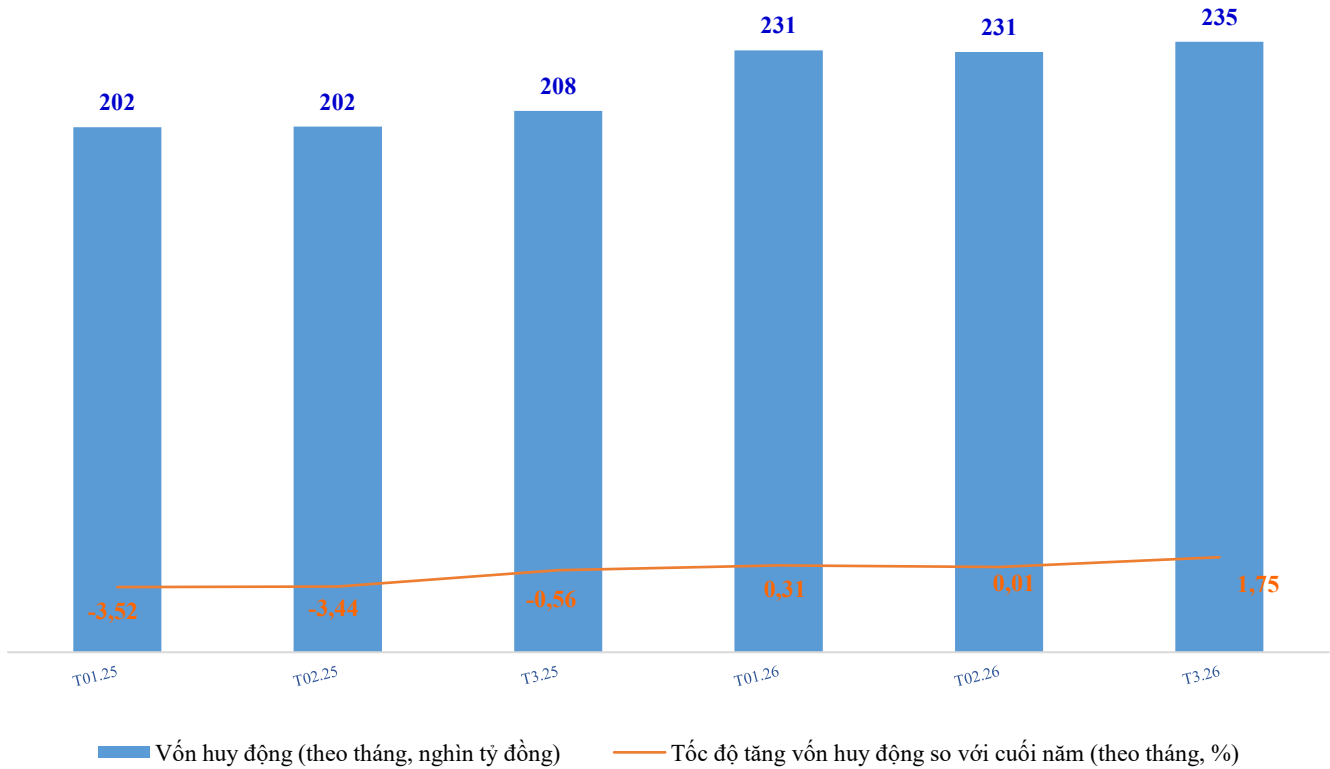


Nguồn: Sở Tài chính thành phố Cần Thơ

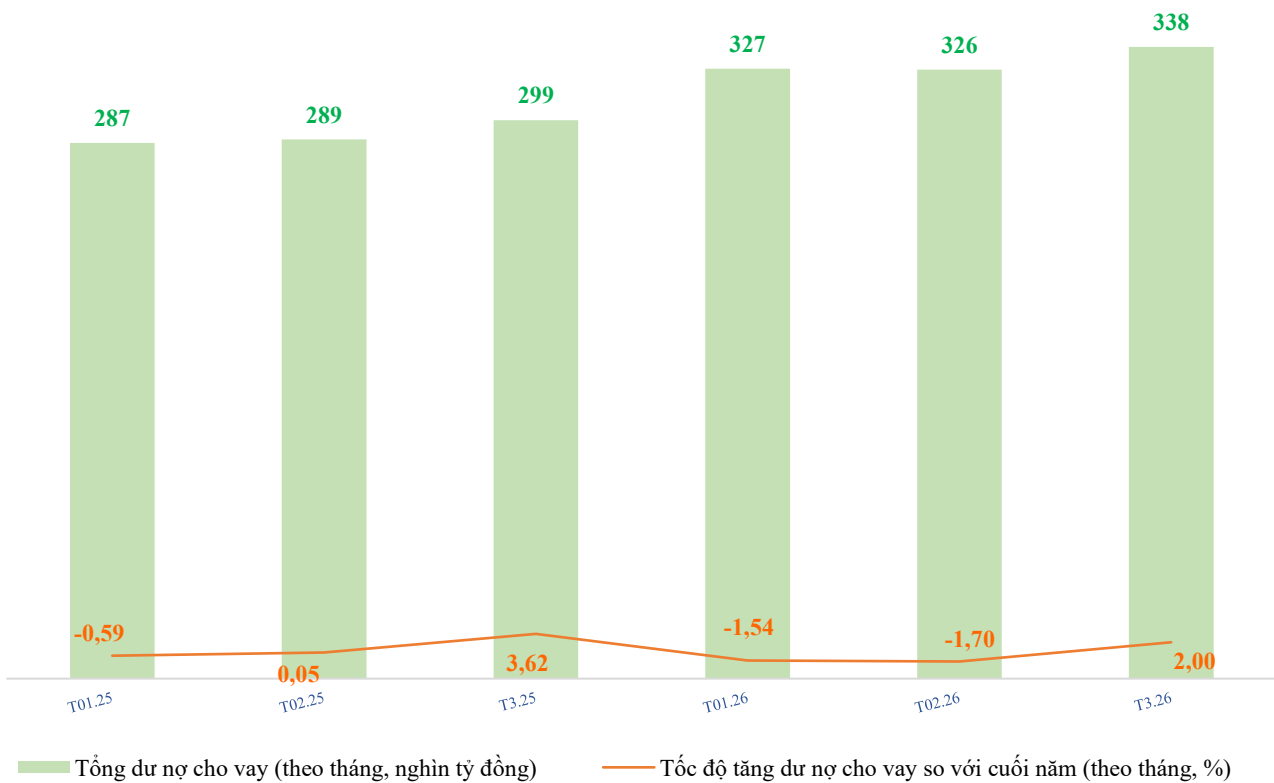
(*) Số liệu các tháng trước được cập nhật đến ngày cuối tháng. Riêng tháng Ba cập nhật đến ngày 25/3/2026



Vốn huy động (theo tháng, nghìn tỷ đồng, %)



Tổng dư nợ cho vay (theo tháng, nghìn tỷ đồng, %)

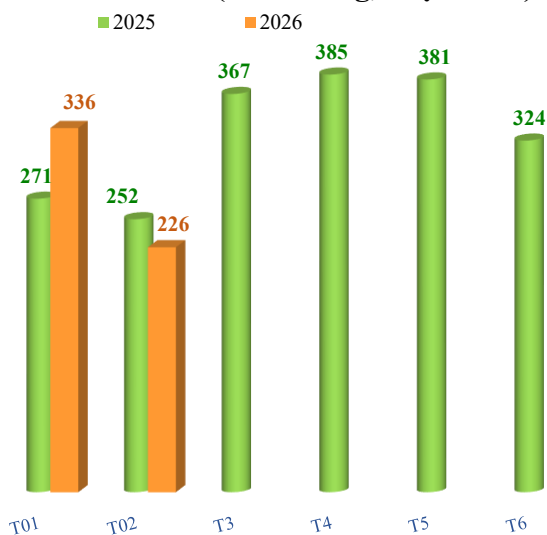


Nguồn: Ngân hàng Nhà nước Khu vực 14

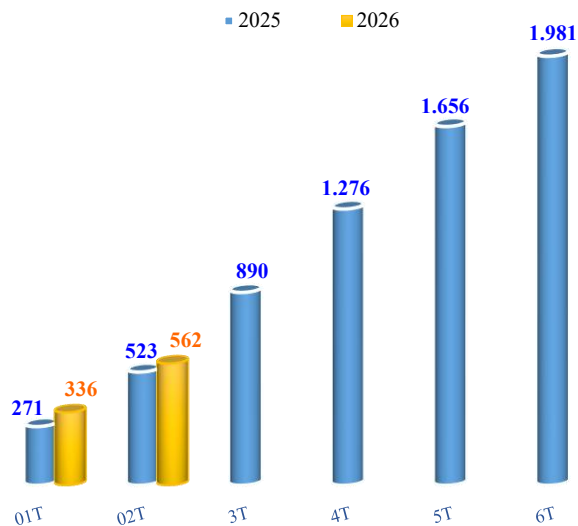


XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA

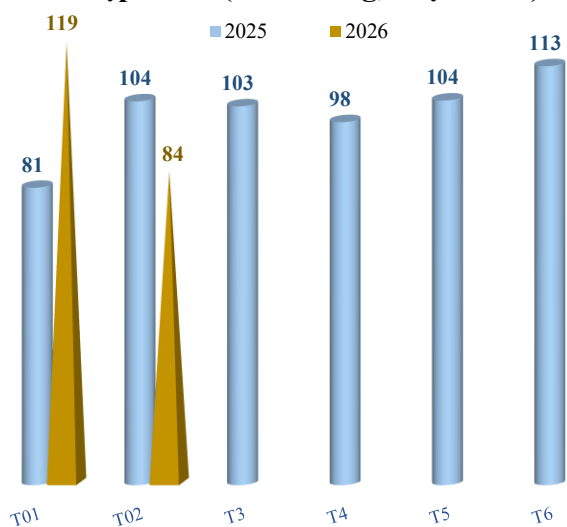
Xuất khẩu (theo tháng, triệu USD)



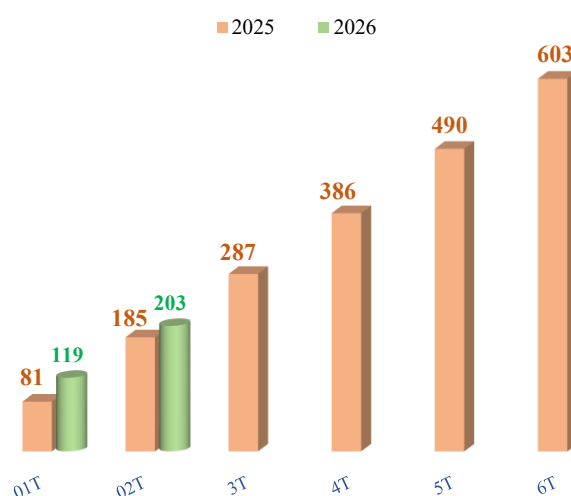
Xuất khẩu (lũy kế, triệu USD)



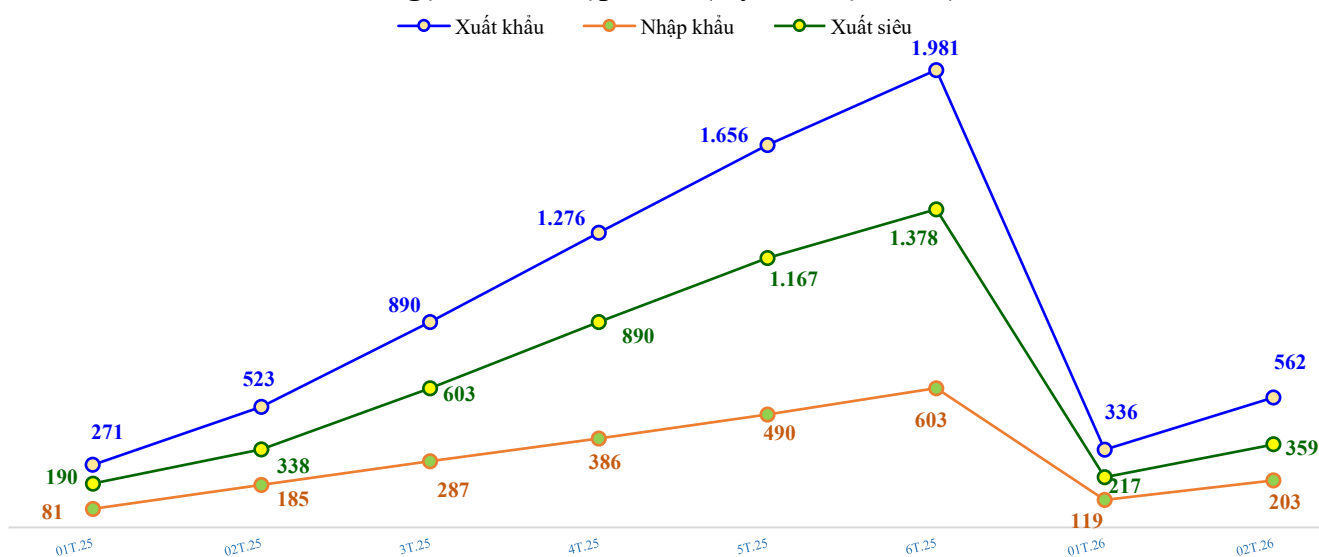
Nhập khẩu (theo tháng, triệu USD)



Nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)



Kim ngạch xuất nhập khẩu (lũy kế, triệu USD)

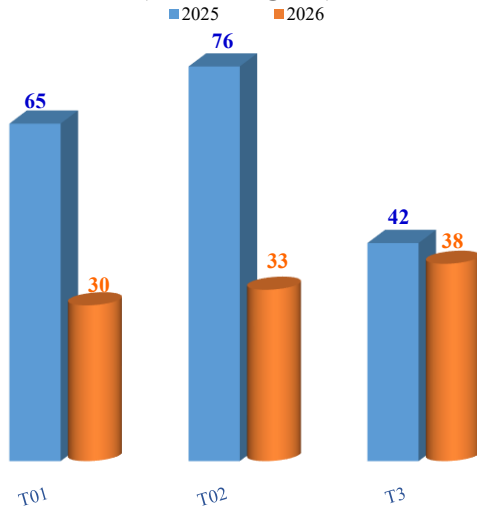


Nguồn: Cổng Thông tin điện tử Cục Hải quan (www.customs.gov.vn)

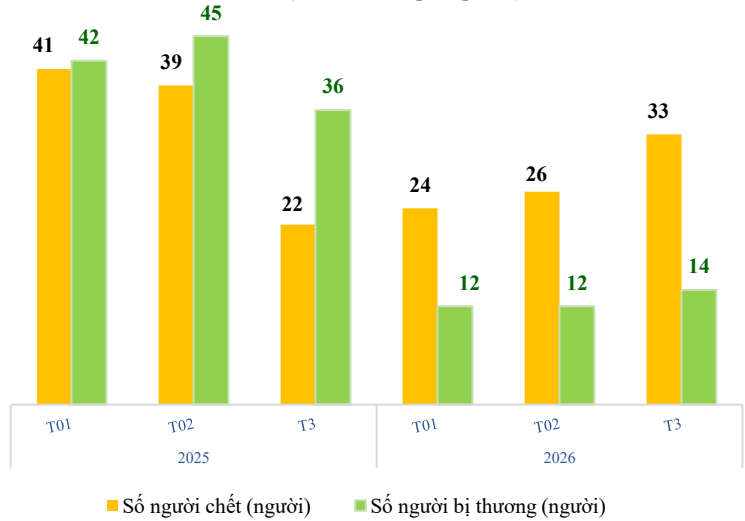


TAI NẠN GIAO THÔNG, PHÒNG CHỐNG CHÁY NỔ

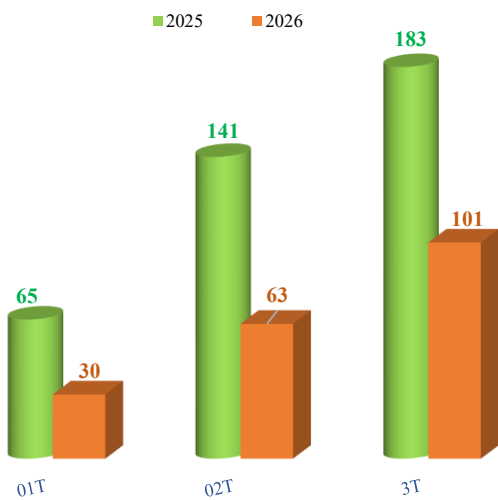
Số vụ tai nạn giao thông
(theo tháng, vụ)



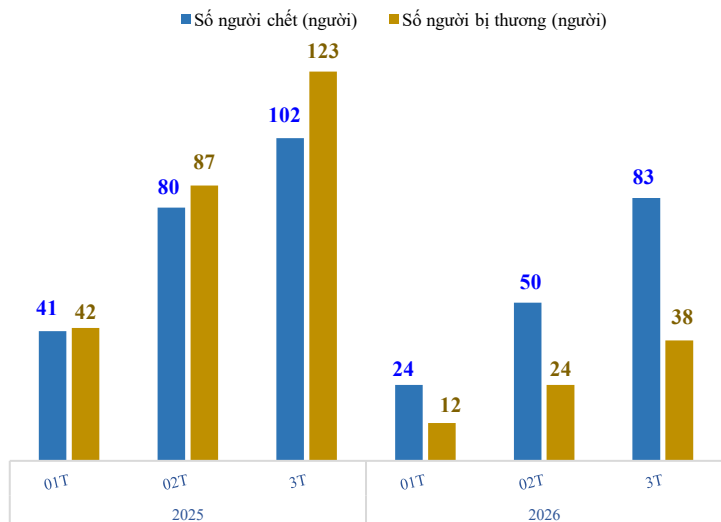
Số người chết và bị thương
(theo tháng, người)



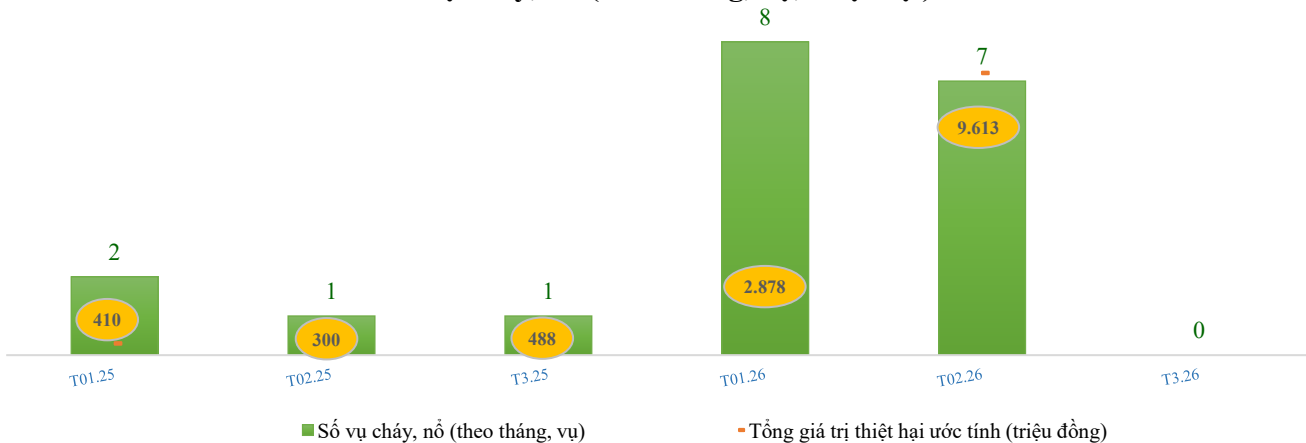
Số vụ tai nạn giao thông (lũy kế, vụ)



Số người chết và bị thương (lũy kế, người)



Số vụ cháy, nổ (theo tháng, vụ, thiệt hại)



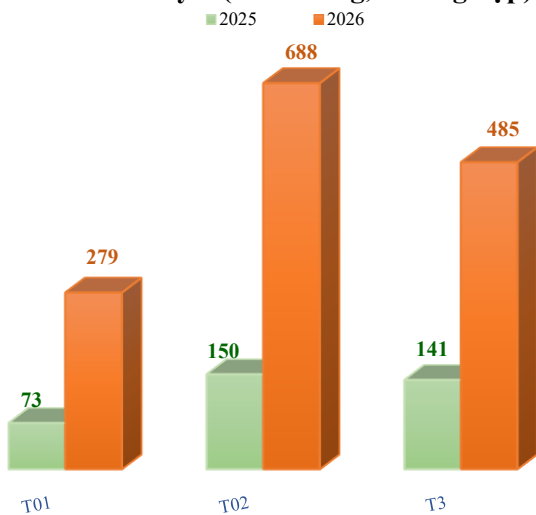
Nguồn: Công an thành phố và Ban An toàn giao thông thành phố Cần Thơ

Số liệu được cập nhật từ ngày 15/02/2026 đến ngày 14/3/2026

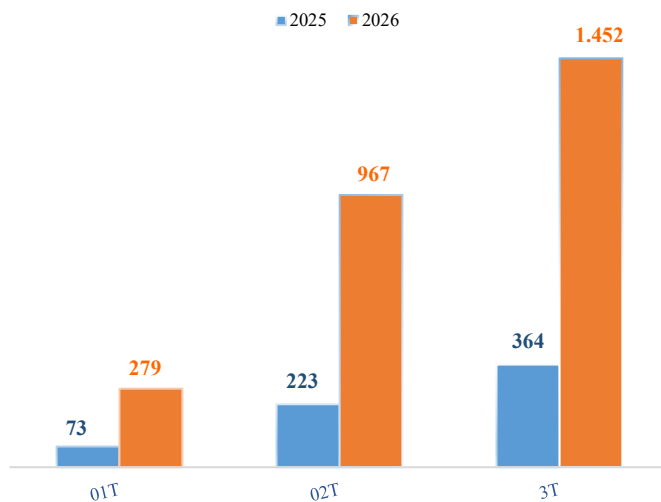


TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH

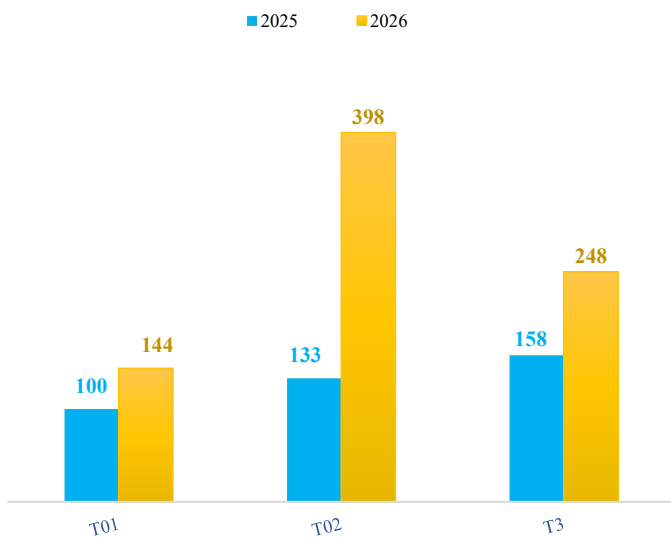
Sốt xuất huyết (theo tháng, trường hợp)



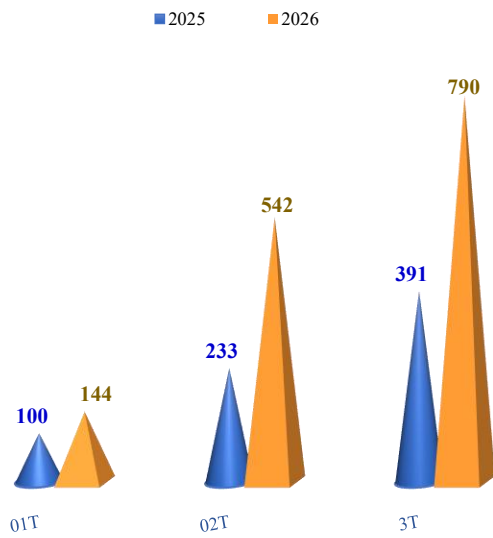
Sốt xuất huyết (lũy tích, trường hợp)



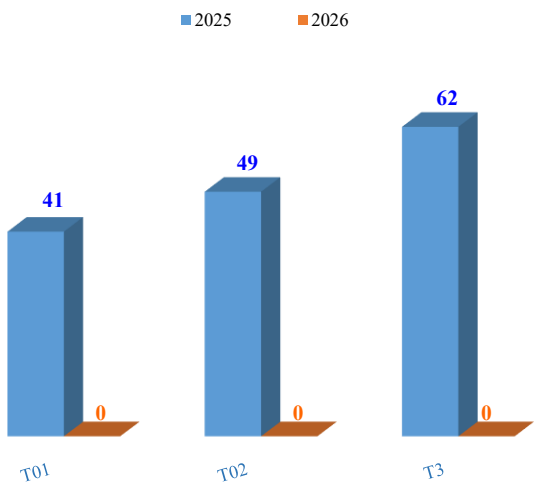
Tay chân miệng (tháng, trường hợp)



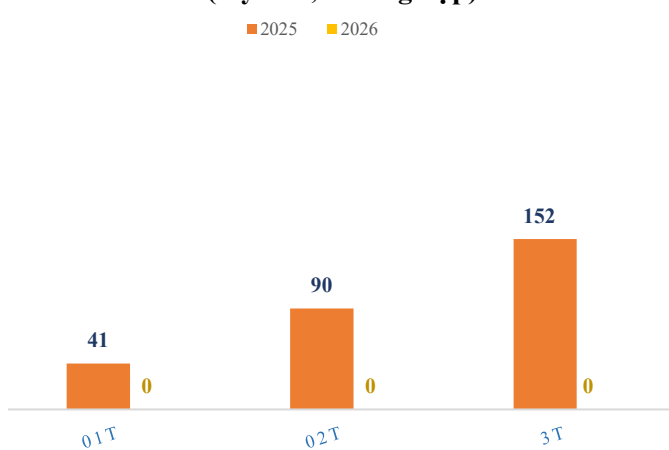
Tay chân miệng (lũy tích, trường hợp)



Sởi (tháng, trường hợp)



Sởi (lũy tích, trường hợp)



Nguồn: Sở Y tế thành phố Cần Thơ



DÂN SỐ, LAO ĐỘNG

Dân số trung bình sơ bộ năm 2025 của thành phố Cần Thơ (mới) đạt 3.224.937 người, tăng 0,56% so với năm trước; trong đó, dân số nam là 1.621.640 người (tăng 0,64%) và dân số nữ 1.603.297 người (tăng 0,47%), phản ánh cơ cấu dân số tương đối ổn định và cân bằng giới tính.

Phân theo khu vực, dân số thành thị năm 2025 đạt 1.436.483 người, giảm 5,18%, trong khi dân số nông thôn đạt 1.788.454 người, tăng 5,69% so với năm 2024, cho thấy xu hướng dịch chuyển dân cư và tác động của quá trình sắp xếp, mở rộng không gian phát triển đô thị - nông thôn.

Dân số trung bình sơ bộ năm 2025



3.224.937 người

Lao động có việc làm từ 15 tuổi trở lên đang làm việc



1.673.707 người

GRDP bình quân đầu người



94,94

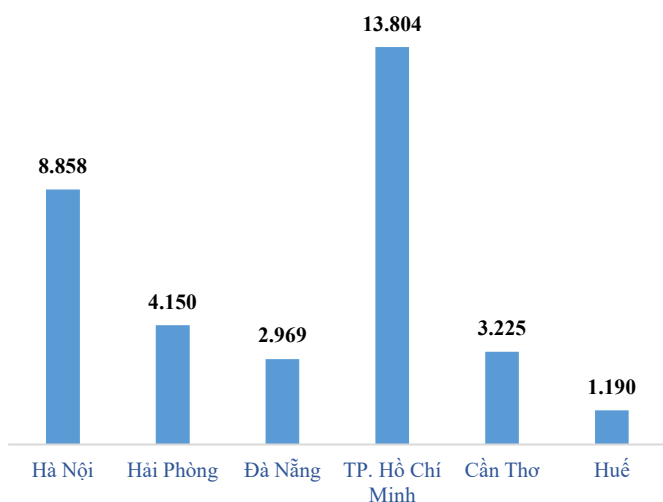
triệu đồng/người/năm

Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc ước đạt 1.673.707 người, tăng 3,10%. Năm 2025, tổng sản phẩm bình quân đầu người của thành phố Cần Thơ ước đạt 94,94 triệu đồng/người/năm, tăng 9,70% so với năm 2024 (tương ứng tăng 8,39 triệu đồng/người).

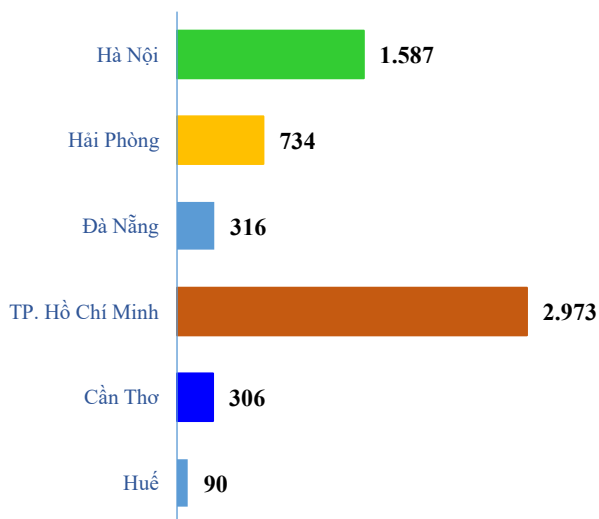


SỐ LIỆU KINH TẾ CHỦ YẾU 6 TP TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG ƯỚC NĂM 2025

Dân số trung bình (nghìn người)



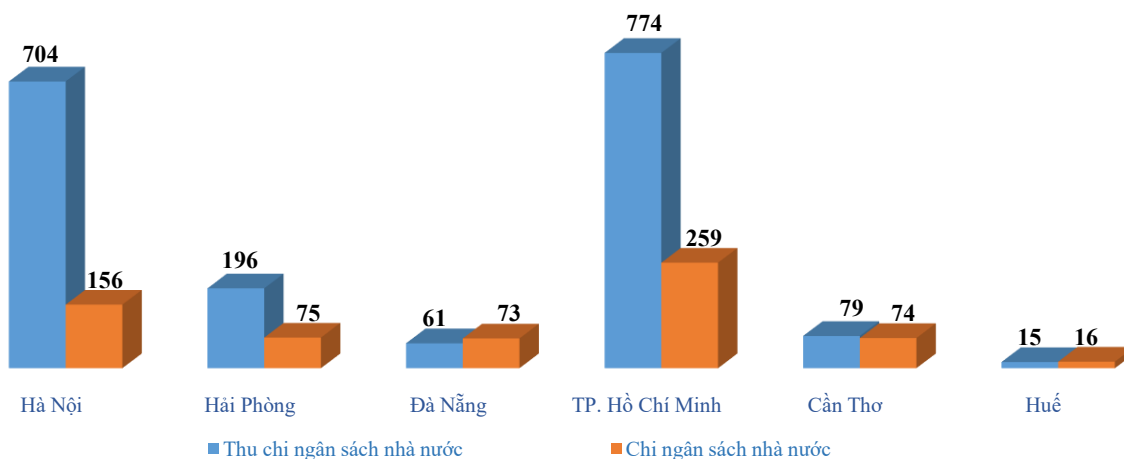
Quy mô GRDP theo giá hiện hành (nghìn tỷ đồng)



Tốc độ phát triển GRDP (%)



Thu - Chi ngân sách nhà nước (nghìn tỷ đồng)



Nguồn: Thống kê 6 thành phố trực thuộc Trung ương



SỔ LIỆU KINH TẾ - XÃ HỘI THÀNH PHỐ CẦN THƠ



<https://thongkecantho.nso.gov.vn>